

**CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN ĐẠM VÀ HÓA CHẤT HÀ BẮC**



ĐẠM HÀ BẮC

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2023**

BẮC GIANG – 2024

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

Tên Công ty	:	Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
Tên tiếng Anh	:	Habac Nitrogenous Fertilizer & Chemicals Joint Stock Company
Tên viết tắt	:	HANICHEMCO
Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp	:	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2400120344 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 21/12/2006, thay đổi lần thứ 13 ngày 09/10/2019.
Vốn điều lệ	:	2.722.000.000.000 đồng (Hai nghìn bảy trăm hai mươi hai tỷ đồng)
Tổng số cổ phiếu đang lưu hành	:	272.200.000 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu)
Địa chỉ trụ sở chính	:	Đường Trần Nguyên Hãn, Phường Thọ Xương, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam
Số điện thoại	:	(+84-204) 3854538
Số fax	:	(+84-204) 3855018
Website	:	http://damhabac.com.vn/

2. Quá trình hình thành và phát triển

Ngày 18/2/1959 Chính phủ Việt Nam đã ký với Chính phủ Trung Quốc hiệp định về việc giúp đỡ xây dựng nhà máy Phân đạm Hà Bắc.

Đầu năm 1960 nhà máy Phân đạm đầu tiên của Việt Nam được khởi công xây dựng trên mảnh đất 40ha thuộc xã Thọ Xương cách thị xã Bắc Giang về phía bắc 1km (nay thuộc phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang). Sau 05 năm xây dựng, Nhà máy đã hình thành với tổng số 130 công trình.

Ngày 03/02/1965 khánh thành Phân xưởng Nhiệt điện. Ngày 19/05/1965 Phân xưởng Tạo khí đã sản xuất thành công được khí than để làm nguyên liệu sản xuất Amôniac. Ngày 01/06/1965 Xưởng Cơ khí đi vào hoạt động.

Tuy nhiên, do cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ nên Chính phủ quyết định tạm ngừng đưa nhà máy vào sản xuất và phân xưởng Nhiệt điện chuyển thành nhà máy Nhiệt điện Hà Bắc bám trụ sản xuất phục vụ kinh tế và quốc phòng. Xưởng Cơ khí chuyển thành Nhà máy Cơ khí hoá chất Hà Bắc sơ tán lên Lạng Giang và sản xuất theo nhiệm vụ thời chiến, Khu Hoá tháo dỡ thiết bị đưa trở lại Trung Quốc.

Cuộc chiến tranh phá hoại, máy bay Mỹ đã đánh phá Nhà máy Điện 52 trận với hàng ngàn tấn bom đạn. Tự vệ nhà máy đã tham gia chiến đấu 63 trận, góp phần bắn rơi một máy bay Mỹ và bắn bị thương một số chiếc khác.

Đầu năm 1973, Nhà máy được khôi phục xây dựng và mở rộng, ngày 01/5/1975 Chính phủ hợp nhất Nhà máy Điện Hà Bắc, Nhà máy Cơ khí Hoá chất Hà Bắc và các phân xưởng Hoá thành lập Nhà máy Phân đạm Hà Bắc. Ngày 12/12/1975 sản xuất ra bao đạm mang nhãn hiệu Lúa vàng đầu tiên. Ngày 30/10/1977 Phó Thủ tướng Đỗ Mười cắt băng khánh thành Nhà máy Phân Đạm Hà Bắc, đánh dấu mốc son của ngành sản xuất phân đạm Việt Nam.

Năm 1976 - 1983 sản xuất gặp nhiều khó khăn, sản lượng năm 1981 chỉ đạt 9000 tấn đạm urê bằng 9% công suất thiết kế. Ngày 17/01/1983 Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng có Chỉ thị 19-CP nhằm duy trì và đẩy mạnh sản xuất của Nhà máy Phân đạm Hà Bắc.

Ngày 10/10/1988 Nhà máy đổi tên thành Xí nghiệp Liên hợp Phân đạm và Hoá chất Hà Bắc.

Ngày 13/02/1993 đổi tên thành Công ty Phân đạm và Hoá Chất Hà Bắc.

Ngày 20/10/2006 chuyển đổi thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Phân Đạm và Hoá chất Hà Bắc.

Ngày 01/01/2016 chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Phân đạm và Hoá chất Hà Bắc.

Trong quá trình phát triển, Công ty đã được sự quan tâm của các đồng chí Lãnh đạo cao nhất của Đảng và Nhà nước. Các đồng chí Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nguyễn Văn Linh, Đỗ Mười, Nông Đức Mạnh, Chủ tịch nước Lê Đức Anh, Trần Đức Lương đã về thăm và làm việc tại Công ty.

Các danh hiệu cao quý:

- Năm 2010: Công ty được Chủ tịch nước tặng Huân chương độc lập hạng ba.
- Năm 2011: Công ty được Thủ tướng Chính phủ tặng Cờ Thi đua.
- Năm 2012: Công ty được Thủ tướng Chính phủ tặng Cờ Thi đua.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

➤ Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh phân đạm Urê và NH₃ lỏng và các sản phẩm khí công nghiệp.

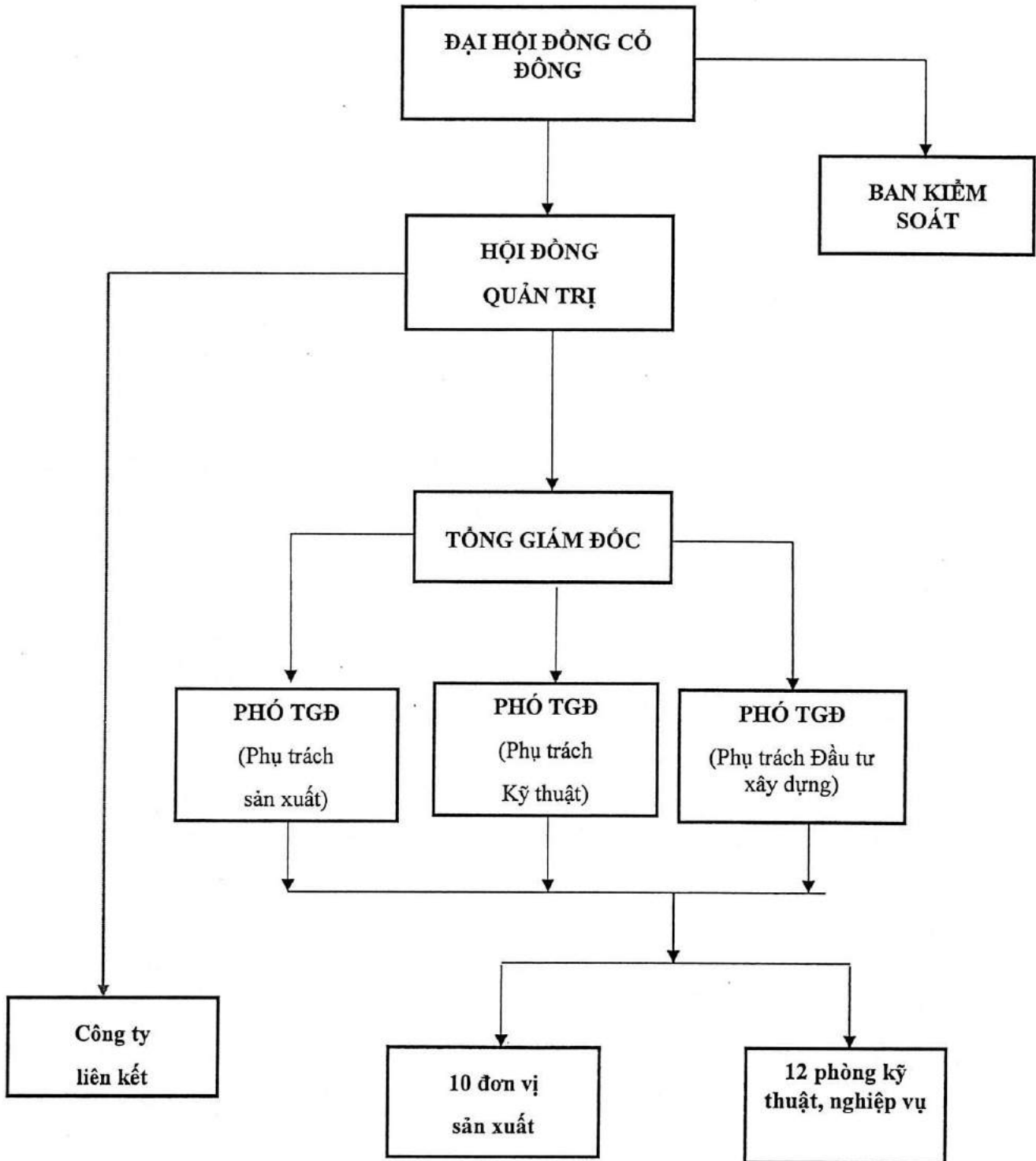
➤ Địa bàn kinh doanh: Toàn lãnh thổ Việt Nam và có xuất khẩu ra nước ngoài.

- Đối với sản phẩm Urê: Tiêu thụ trên địa bàn cả nước và xuất khẩu, Công ty đã và đang triển khai đưa sản phẩm Urê tới bà con nông dân ở hầu hết các tỉnh, thành phố trong cả nước thông qua hệ thống các nhà phân phối.

- Đối với sản phẩm NH3 lỏng: Công ty bán trực tiếp cho các đơn vị sản xuất như sản xuất phân bón DAP, MAP, sản xuất thuốc nổ, sản xuất mỳ chính,... và bán thông qua nhà phân phối của Công ty trên địa bàn cả nước.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1 Mô hình quản trị hiện nay của Công ty



4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý hiện nay của Công ty

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty có 05 người, trong đó có 02 thành viên không điều hành và 03 thành viên điều hành. Hội đồng quản trị thực hiện quản lý Công ty và đảm bảo hoạt động của Công ty theo luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật khác.

Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty có 03 người, trong đó có 01 người làm trưởng ban chuyên trách và 02 thành viên kiêm nhiệm. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc điều hành và quản lý Công ty. Hoạt động theo luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật khác.

Ban Tổng Giám đốc

Cơ cấu Ban Tổng Giám đốc hiện có Tổng Giám đốc và 03 Phó Tổng Giám đốc.

- Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty và là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị, theo luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật khác.

- 03 Phó Tổng Giám đốc giúp việc cho Tổng Giám đốc điều hành các lĩnh vực công tác của Công ty theo sự phân công và ủy quyền của Tổng giám đốc, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.

* Các phòng kỹ thuật, nghiệp vụ tham mưu giúp việc cho Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc Công ty, gồm: Văn phòng Công ty, phòng Tổ chức Nhân sự, phòng Kế hoạch - Đầu tư, phòng Thị trường, phòng Vật tư - Vận tải, Phòng Kế toán - Thống kê - Tài chính, phòng Bảo vệ - Quân sự, phòng Kỹ thuật Sản xuất, phòng Cơ khí - Xây dựng, phòng Điện - Đo lường, phòng KCS, phòng Y Tế.

* Các xưởng sản xuất thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn để phục vụ công tác SXKD của Công ty, gồm: Xưởng Nhiệt, Xưởng Tạo khí, Xưởng Amoniac, Xưởng Urê, Xưởng Thành phẩm, Xưởng Than, Xưởng Điện, Xưởng ĐL-TĐH, Xưởng Sửa chữa, Xưởng Nước.

4.3. Công ty liên kết: Công ty Cổ phần Khí hóa lỏng Hà Bắc.

- Trụ sở chính: Đường Phạm Liễu, Phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Vốn điều lệ: 24.025.190.000 đồng (Hai mươi bốn tỷ, không trăm hai mươi lăm triệu, một trăm chín mươi nghìn đồng chẵn).

- Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 36% (vốn góp: 8.649.060.000 đồng)

- Ngành nghề kinh doanh: sản xuất các sản phẩm khí công nghiệp; CO₂ (lỏng, rắn). Mua bán các sản phẩm khí công nghiệp; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; sang chiết và đóng bình các loại khí công nghiệp dạng lỏng và dạng khí: Oxy, CO₂, Argon, Nitơ; kinh doanh, XNK các loại khí công nghiệp khác.

5. Định hướng phát triển

5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được nhằm tận dụng và phát huy tối đa giá trị thương hiệu Công ty Đạm Hà Bắc, củng cố, tích tụ lực lượng sản xuất để tạo ra sự thay đổi về chất về quy mô trong toàn Công ty, nâng cao năng suất sản xuất, ...

- Xây dựng Công ty Đạm Hà Bắc trở thành một Công ty mạnh, có quy mô lớn, có trình độ công nghệ, quản lý hiện đại và chuyên môn hóa cao theo ngành nghề kinh doanh chính, gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất kinh doanh với khoa học công nghệ, nghiên cứu phát triển; không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Xây dựng Công ty Đạm Hà Bắc mạnh hơn, hiệu quả hơn trên cơ sở thực hiện tái cơ cấu, sử dụng hợp lý các nguồn lực; Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, liên kết cao hơn về tài chính, công nghệ và thị trường.

- Phát triển tập trung vào theo các ngành nghề chính đã lựa chọn, tập trung vào chuyên ngành phù hợp với năng lực, sở trường, kinh nghiệm và xây dựng quy mô đủ lớn để tạo ra lợi thế cạnh tranh...

- Xây dựng đội ngũ lãnh đạo có bản lĩnh và chuyên nghiệp, đồng thời xây dựng đội ngũ quản lý, kinh doanh và chuyên gia giỏi.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Chiến lược phát triển Trung hạn: Tập trung vào các phân khúc thị trường Đạm Urê cho sản xuất phân bón, đáp ứng đủ nhu cầu cho các đơn vị tiêu thụ sản phẩm NH₃.

- Chiến lược dài hạn: Trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong việc cung cấp Urê cho thị trường phân bón.

5.3. Các mục tiêu phát triển bền vững

- Đồng hành cùng phát triển với nông nghiệp xanh và người nông dân.
- Đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường trong sản xuất.
- Đảm bảo việc làm và đời sống cho người lao động Công ty.

6. Các rủi ro

6.1 Rủi ro về dòng tiền

Áp lực liên quan đến dòng tiền để trả nợ theo đề án tái cơ cấu với Ngân hàng Phát triển. Ngoài ra, việc thực hiện kế hoạch đầu tư mới của Công ty cũng cần có nguồn tài chính dài hạn tài trợ. Từ đó, việc huy động và sử dụng nguồn tài chính cần phù hợp và hiệu quả với từng thời điểm.

6.2 Rủi ro về cạnh tranh và thị trường

Việc vấp phải sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt và trực tiếp, đặc biệt đến từ phân bón nhập khẩu, từ các công ty sản xuất phân bón trong nước dẫn đến rủi ro kinh doanh liên quan đến thị phần của Công ty nếu chính sách bán hàng không điều chỉnh kịp thời với thị trường.

6.3 Rủi ro về giá than

Hiện nay than là nguyên, nhiên liệu chủ yếu cho sản xuất sản phẩm Urê được cung cấp chủ yếu bởi Tập đoàn than TKV. Do đó giá mua phụ thuộc nhiều vào giá than của TKV.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Giá bán Urê và NH_3 giảm mạnh theo giá thế giới và duy trì ở mức thấp, cạnh tranh gay gắt giữa các đơn vị sản xuất trong nước và sản phẩm nhập khẩu.

- Tập đoàn Than – Khoáng sản Việt Nam (TKV) cấp hơn 20% tổng lượng than 4a.1 từ cảng Đức Long, chất lượng không phù hợp lò Shell làm ảnh hưởng đến thiết bị, công nghệ.

- Hệ thống điện lưới không ổn định, có thời điểm thiếu làm ảnh hưởng đến phương thức huy động và thời gian sản xuất.

- Đề án tái cơ cấu của Công ty đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt vào tháng 12/2023 giúp hiệu quả SX-KD của Công ty tiếp tục có lãi trong năm 2023.

- Kết quả SX-KD của Công ty năm 2023 lãi 858 tỷ đồng, giảm lãi 74 tỷ đồng so với kế hoạch ĐHCĐ thông qua và giảm lãi 921 tỷ đồng so với thực hiện năm 2022.

Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chính

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch ĐHCĐ thông qua năm 2023	Thực hiện năm 2023		
				Thực hiện	SSKH năm (%)	SSTH năm 2022 (%)
I	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	96,1	58,2	60,5	44,2
II	Giá trị SXCN (Giá TT)	"	4.447,6	4.215,5	94,8	62,5
III	Tổng doanh thu	"	4.615,0	4.425,7	95,9	68,3
IV	Hiệu quả SX-KD	Tỷ đồng	931,8	858	92,1	48,2
V	Sản lượng sản xuất					
*	Tổng s.lượng quy đổi ra Urê	Tấn	450.000	452.168	100,5	99,1
1	Urê	"	325.860	391.174	120,0	117,3
2	NH ₃ thương phẩm	"	70.000	34.890	49,8	52,3
3	Điện sản xuất	Mw.h	142.550	150.299	105,4	113,7
VI	Sản lượng tiêu thụ					
*	Tổng s.lượng quy đổi ra Urê	Tấn	461.528	471.064	102,1	109,6
1	Urê	Tấn	340.000	410.592	120,8	130,8
2	NH ₃ thương phẩm	"	70.000	34.832	49,8	52,2

2. Tổ chức và nhân sự

➤ **Danh sách Ban điều hành và cán bộ quản lý**

- **Tổng Giám đốc – Ông Nguyễn Đức Ninh**

+ Ngày sinh: 02 tháng 10 năm 1963

+ Số CMT: 120437977

+ Dân tộc: Kinh

+ Quê quán: Thái Đào – Lạng Giang – Bắc Giang

+ Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Thạc sĩ QTKD

+ Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp

+ Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh C

+ Số cổ phần cá nhân nắm giữ: 4.800 cổ phần

+ Số cổ phần đại diện cho Tập đoàn HCVN: 54.440.000 cổ phần.

+ Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết: 20%.

- **Phó Tổng Giám đốc – Ông Nguyễn Văn Dũng**
 - + Ngày sinh: 12 tháng 02 năm 1968
 - + Số CMT: 121007279
 - + Dân tộc: Kinh
 - + Quê quán: Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh
 - + Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hóa
 - + Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp
 - + Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh B
 - + Số cổ phần cá nhân nắm giữ: 4.600 cổ phần
 - + Số cổ phần đại diện cho Tập đoàn HCVN: 54.440.000 cổ phần
 - + Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết: 20%
- **Phó Tổng Giám đốc – Ông Phạm Văn Trung**
 - + Ngày sinh: 12 tháng 12 năm 1967
 - + Số CMT: 121464879
 - + Dân tộc: Kinh
 - + Quê quán: Niêm Xá, Tỉnh Bắc Ninh
 - + Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế
 - + Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp
 - + Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh B
 - + Số cổ phần cá nhân nắm giữ: 4.300 cổ phần
 - + Số cổ phần đại diện cho Tập đoàn HCVN: 54.440.000 cổ phần
 - + Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết: 20%
- **Phó Tổng Giám đốc – Ông Nguyễn Đình Hồng**
 - + Ngày sinh: 22 tháng 02 năm 1978
 - + Số CCCD: 027078004834
 - + Dân tộc: Kinh
 - + Quê quán: Từ Sơn, Bắc Ninh
 - + Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hóa, Thạc sĩ QTKD
 - + Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp
 - + Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh C
- **Kế toán trưởng – Ông Lê Anh Tuấn**
 - + Ngày sinh: 02 tháng 11 năm 1981
 - + Số CMT: 122302865
 - + Dân tộc: Kinh
 - + Quê quán: Đốc Tín, Huyện Mỹ Đức, Hà Nội.

- + Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh doanh và quản lý.
- + Trình độ lý luận chính trị: Trung cấp
- + Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh C

➤ **Số lượng cán bộ, nhân viên:**

- Lao động ngày 01/01/2023: 1226 người;
- Lao động đến ngày 31/12/2023: 1244 người;
- Tóm tắt chính sách đối với người lao động:

+ Lao động của Công ty được đào tạo tại các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp, công nhân kỹ thuật phù hợp với nhiệm vụ SXKD của Công ty. Đến nay, lực lượng lao động đã làm chủ được công nghệ và các công việc được phân công; định biên lao động được rà soát đưa về mức tối thiểu; thực hiện hợp nhất, sáp nhập để tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

+ Công ty có các quy chế, quy định đảm bảo các chế độ cho người lao động đúng quy định của pháp luật; năm 2023 bố trí đủ việc làm, đảm bảo tiền lương cho 100% CBCNV Công ty với mức tiền lương và thu nhập cao hơn năm 2022.

3.1 Các khoản đầu tư lớn thực hiện trong năm

- Giá trị thực hiện công tác ĐTXD năm 2023 đạt 6,46 tỷ đồng. Trong đó: Chi phí thiết bị 6,22 tỷ đồng; chi phí khác 0,24 tỷ đồng.

- Kết quả triển khai thực hiện 12 dự án đầu tư theo kế hoạch của Công ty:

+ 07 dự án mua thiết bị lẻ đã triển khai thực hiện xong.

+ 02 dự án triển khai thực hiện đầu tư (ký hợp đồng với đơn vị thực hiện)

+ 03 dự án triển khai các gói thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư được phê duyệt (Dự án robot bốc xếp sản phẩm Urê; hệ thống nghiền đá vôi, dự án lò hơi 130 tấn/h cho lò hơi xưởng Nhiệt).

3.2 Công ty liên kết: Công ty cổ phần Khí hóa lỏng Hà Bắc

Trụ sở chính: Đường Phạm Liâu, Phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Vốn điều lệ: 24.025.190.000 đồng (Hai mươi bốn tỷ, không trăm hai mươi lăm triệu, một trăm chín mươi nghìn đồng chẵn).

Ngành nghề kinh doanh: sản xuất các sản phẩm khí công nghiệp, CO2 (lỏng, rắn). Mua bán các sản phẩm khí công nghiệp; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; sang chiết và đóng bình các loại khí công nghiệp dạng lỏng và dạng khí: Oxy, CO2, Argon, Nitơ; kinh doanh, XNK các loại khí công nghiệp khác.

Tình hình tài chính:

ĐVT: triệu đồng

Nội dung	Số đầu năm	Số cuối năm
Tổng tài sản	51.149	47.945
Tài sản ngắn hạn	50.808	44.267
Tài sản dài hạn	341	3.678
Tổng nguồn vốn	51.149	47.945
Nợ phải trả	5.882	3.447
Vốn chủ sở hữu	45.267	44.498
Trong đó: Vốn góp của CSH	24.025	24.025
LNST chưa phân phối	19.376	17.107

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng giảm
Doanh thu thuần	51.413	47.461	-7,69
Lợi nhuận từ HĐKD	24.231	20.050	-17,25
Lợi nhuận khác	0	0	
Lợi nhuận trước thuế	24.231	20.020	-17,38
Lợi nhuận sau thuế	19.376	15.998	-17,43

4. Tình hình tài chính

4.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng giảm năm 2023 so với 2022
1	Tổng tài sản (cuối kỳ)	7.581.443	6.745.865	-11,02%
2	Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	6.441.029	4.413.476	-31,48%
3	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	1.776.456	-944.796	-153,18%
4	Lợi nhuận khác	2.690	1.803.080	66.929%
5	Lợi nhuận trước thuế	1.779.146	858.284	-51,76%
6	Lợi nhuận sau thuế	1.779.146	858.284	-51,76%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023 của HANICHEMCO

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm	
			2022	2023
1.	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn (tại thời điểm 31/12) (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,22	1,1
	Hệ số thanh toán nhanh (tại thời điểm 31/12) [(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]	Lần	0,09	0,55
2.	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	Hệ số Nợ/Tổng tài sản (tại thời điểm 31/12)	%	103	90,93
	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (tại thời điểm 31/12)	%	-31	1003
3.	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	Vòng quay hàng tồn kho (GVHB/HTK bình quân)	Vòng	7,22	6,24
	Vòng quay Tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản)	Vòng	0,85	0,65
4.	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	Hệ số LN sau thuế/Doanh thu thuần	%	27,6	19,45
	Hệ số LN sau thuế/Vốn CSH	%		140,32
	Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản	%	23,47	12,72
	Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ DTT	%	27,6	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần

- Tổng số cổ phần: 272.200.000 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông
- Cổ phần chuyển nhượng tự do: 272.054.200
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 145.800

5.2. Cơ cấu cổ đông

Tính đến ngày 22/3/2024 (ngày chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024), cơ cấu vốn cổ đông Công ty như sau:

Danh Mục	Số lượng Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (nghìn đồng)	Tỷ lệ (%)
I. Cổ đông trong nước	1280	272.200.000	2.722.000.000.000	100
1. Cổ đông nhà nước	2	265.991.000	2.659.910.000.000	97,72
2. Cổ đông tổ chức không phải nhà nước	17	2.709.000	27.090.000.000	0,99
3. Cổ đông cá nhân	1261	3.500.000	35.000.000.000	1,29
II. Cổ đông nước ngoài	0	0	0	0

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Trong năm không tăng hoặc giảm vốn cổ phần.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

5.5. Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm 2023

STT	Hạng mục nguyên vật liệu	Đơn vị tính	Lượng sử dụng năm 2023	Ghi chú
1	Than cám 4B	tấn	0	
2	Than cám 5A	tấn	435.114	
3	Than cám 4A	tấn	398.239	
4	Dầu điều đốt lò	kg	48.572	
5	Nước tuần hoàn	m ³	396.359.276	
6	Bao bì Urê 50 kg (Urê Hà Bắc)	bộ	6.212.766	
7	Bao bì Urê 25 kg	bộ	801.433	

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức

STT	Hạng mục nguyên vật liệu	Đơn vị tính	Lượng sử dụng năm 2023	Tỷ lệ (%)
1	Tro lò hơi	tấn	1.532,3	0,35%
2	Bã chua lò Shell	tấn	5.926,926	1,36%
3	Dầu thu hồi	lít	0	

6.2. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

Tổng lượng điện sử dụng năm 2023 là: 293.770.606 kWh.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

Tổng tiền tiết kiệm do thực hiện định mức tiêu hao năm 2023 là: 95,0 tỷ đồng. Trong đó tiết kiệm định mức than là 7,07 tỷ đồng, tiết kiệm điện là: 9,9 tỷ đồng.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng

Hàng năm công ty đều triển khai các giải pháp tiết kiệm năng lượng, như vận hành động cơ ở chế độ tối ưu để giảm tiêu thụ điện năng, triển khai các đề tài khoa học kỹ thuật để giảm định mức tiêu hao, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Năm 2023 tiếp tục triển khai 2 giải pháp sau:

Giải pháp 1: Giải pháp tổng thể tính toán phối hợp cài đặt các bảo vệ để tách lưới gửi ổn định sản xuất dây chuyền chính khi có sự cố điện lưới quốc gia.

Giải pháp 2: Tiếp tục thực hiện đề tài trộn bã chua lò Shell vào than cám 5A cấp cho xường nhiệt, nhằm giảm định mức tiêu hao than cám 5A, tận dụng lại toàn bộ lượng tro của các lò hơi cũ thải ra và lượng bã chua lò Shell thải ra ngoài môi trường.

6.3. Tiêu thụ nước

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

- Lượng nước công ty sử dụng chủ yếu là nước tuần hoàn (được tuần hoàn liên tục trong quá trình sản xuất), một lượng nước tuần bị bay hơi được bổ sung thêm bằng nguồn nước bên ngoài.

- Nguồn cung cấp nước đầu vào là nước sông Thương, với lượng sử dụng năm 2023 là: 13.524.782 m³.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng là: 96,6%

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 01 lần

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 165.000.000 đồng

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

Năm 2023, số lao động sử dụng bình quân (quy đổi) của Công ty là: 1.316 người, tiền lương bình quân là 15,961 triệu đồng/người/tháng (trong đó tiền lương bình quân theo Hợp đồng lao động là 8,422 triệu đồng/người/tháng).

b) Chính sách nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- 100% người lao động được bố trí đủ việc làm; được đóng BHXH, BHYT, BHTN, ... theo quy định; người lao động đi làm được Công ty phục vụ 01 bữa cơm giữa giờ, bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật trong ca sản xuất không phải đóng tiền; được hỗ trợ tiền xăng xe hàng tháng; được cấp bảo hộ lao động và phương tiện bảo vệ cá nhân theo cương vị làm việc, ...

- Công ty có phòng Y tế gồm 08 người, luôn thường trực 24/24h.

- Hàng năm tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV tần suất 01 lần/năm, riêng với người lao động trực tiếp sản xuất thì tần suất khám sức khỏe là 02 lần/năm.

- Năm 2023 Công ty thực hiện chi trợ cấp khó khăn đột xuất 144.800.000 đồng cho 466 lượt người lao động; chi trợ giúp 44.200.000 đồng cho 64 lượt người lao động nhằm hỗ trợ CBCNV khi ốm đau, tai nạn, khi về hưu hoặc khi gia đình gặp khó khăn, hoạn nạn nhằm góp phần động viên CBCNV vượt qua khó khăn.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại lao động:

	Tổng số giờ đào tạo trung bình/năm (giờ)	Theo tổng số nhân viên (giờ/người)	Theo phân loại lao động	
			Lao động gián tiếp (giờ/người)	Lao động trực tiếp (giờ/người)
Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm	111.170	90	22	104

- Chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo việc làm và phát triển sự nghiệp

Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp:

- Công ty sản xuất Phân đạm trên dây chuyền hiện đại nên việc đào tạo người lao động thường xuyên là vấn đề mấu chốt đảm bảo cho quá trình sản xuất được ổn định, lâu dài. Để đáp ứng được yêu cầu đó, hằng năm Công ty lập

kế hoạch đào tạo bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, tay nghề cho từng đối tượng lao động, cụ thể như các chương trình sau:

- Bố trí thợ bậc cao kèm cặp thợ bậc thấp để họ được nâng cao tay nghề, đáp ứng đủ tiêu chuẩn từng cấp bậc thợ để được xét duyệt thi nâng bậc lương hàng năm theo quy chế đào tạo của Công ty;

- Đào tạo một người có thể vận hành được nhiều cương vị, vị trí khác nhau trong dây chuyền với mục đích giúp người lao động nâng cao hiểu biết về chuyên môn, làm chủ được dây chuyền sản xuất, linh hoạt trong bố trí, sử dụng và đảm bảo cho người lao động có đủ việc làm phù hợp với chuyên môn.

- Cử người lao động đến các Trung tâm đào tạo được phép hoặc mời giảng viên tại các Viện, Trường đại học có uy tín về Công ty giảng dạy để người lao động học hỏi, trao đổi, nâng cao nghiệp vụ, kiến thức chuyên môn để đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ, đủ điều kiện để nâng bậc lương;

- Công ty thường xuyên tổ chức các lớp học đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho người lao động để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đảm bảo việc làm và phát triển sự nghiệp với các chương trình như sau:

- + Hợp tác với Viện đào tạo Quốc tế trường Đại học Hàng hải Việt Nam mở lớp Giám định khối lượng bằng phương pháp món nước xà lan.

- + Hợp tác với Công ty Cổ phần Huấn luyện Kiểm định An toàn Công nghiệp 1 mở lớp huấn luyện an toàn vệ sinh lao động cho Cán bộ quản lý của Công ty.

- + Đào tạo, bồi dưỡng nâng bậc, nâng lương cho người lao động;

- + Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ;

- + Đào tạo thêm cương vị, đào tạo lại để bố trí sắp xếp lại lao động.

6.6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

Tích cực tham gia các phong trào hỗ trợ phát triển cộng đồng trên các mặt kinh tế, xã hội kể cả việc hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng như: tham gia các cuộc vận động, các phong trào tương thân, tương ái, ủng hộ người nghèo, giữ gìn trật tự trị an, an toàn xã hội trên địa bàn của Công ty.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Mặc dù hoạt động SX-KD năm 2023 gặp rất nhiều khó khăn, thách thức nhưng với sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, kịp thời của Đảng ủy, Ban lãnh đạo Công ty cùng với sự đồng lòng, nỗ lực của toàn thể CBCNV, Công ty đã tổ chức duy trì sản xuất đạt kết quả tốt với cơ cấu sản phẩm linh hoạt, hợp lý, đáp ứng tốt thị trường, đẩy mạnh bán sản phẩm Urê trong điều kiện NH₃ tiêu thụ khó

khăn. Thực hiện tốt công tác sửa chữa máy móc thiết bị đảm bảo cho sản xuất, các chỉ tiêu về sản lượng sản xuất và tiêu thụ quy đổi về Urê đều đạt và vượt kế hoạch năm. Năm 2023 là năm thứ 3 liên tiếp Công ty có lãi kể từ năm 2021 với lợi nhuận đạt 858 tỷ đồng. Bên cạnh đó, tiền lương và thu nhập cho CBCNV cũng được nâng cao so với năm 2022, đảm bảo đời sống và giúp người lao động yên tâm làm việc tại Công ty.

2. Tình hình tài chính

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	01/01/2023	31/12/2023	Tăng/giảm	Tỷ lệ (%)
Tài sản	7.581.443	6.745.865	-835.578	-11,02
- Tài sản ngắn hạn	1.396.675	1.197.218	-199.457	-14,28
- Tài sản dài hạn	6.184.768	5.548.647	-636.121	-10,29
Nguồn vốn	7.581.443	6.745.865	-835.578	-11,02
- Nợ phải trả	7.833.626	6.134.258	-1.699.368	-21,69
- Vốn chủ sở hữu	-252.184	611.607	863.791	

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Công ty đã phát huy trí tuệ tập thể, tích cực nghiên cứu và mạnh dạn áp dụng nhiều sáng kiến cải tiến kỹ thuật vào thực tiễn sản xuất đem lại hiệu quả kinh tế cao.

- Công tác quản lý kỹ thuật được làm tốt, ổn định được công nghệ nên các định mức tiêu hao chính đều bằng hoặc thấp hơn kế hoạch, tổng giá trị tiết kiệm định mức tiêu hao năm 2023 so với kế hoạch được 94,5 tỷ đồng.

- Năm 2023 đã tổ chức thực hiện lựa chọn nhà thầu cung ứng vật tư, hàng hóa, dịch vụ, sửa chữa tài sản theo quy chế của Công ty và quy định Luật đấu thầu. Giá trị tiết kiệm trong công tác lựa chọn nhà thầu tiết kiệm được 6,5 tỷ đồng so với giá gói thầu được duyệt.

- Để tăng sức cạnh tranh, Công ty đã mạnh dạn nghiên cứu tạo ra sản phẩm mới có sự khác biệt, gia tăng giá trị, phù hợp với nhiều loại cây trồng. Hiện nay, ngoài sản phẩm Urê trắng, NH3 truyền thống, Công ty còn đẩy mạnh tiêu thụ dòng sản phẩm đạm cao cấp như Urê N46TE, Urê N46+, Urê N46+ TE Sil, Đạm Ngọc xanh ... và phát triển thị trường vào phân khúc Urê nguyên liệu.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Năm 2024, hoạt động SX - KD của Công ty vẫn còn gặp nhiều khó khăn về quỹ thời gian cho sản xuất và thị trường tiêu thụ. Vì vậy, Công ty cần phát huy

những mặt đã làm được trong năm vừa qua, khắc phục tốt những tồn tại hạn chế và nỗ lực hết mình, đồng thời luôn chủ động và thích ứng phù hợp với hoàn cảnh thay đổi để đem lại hiệu quả tổng thể cao nhất, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra năm 2024.

Để hoàn thành mục tiêu chung năm 2024, cần tập trung triển khai vào các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm như sau:

4.1. Công tác đầu tư xây dựng

Công ty tiếp tục tiến hành các bước để triển khai đầu tư các dự án phục vụ sản xuất, tập trung vào:

- Hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục tại cửa ra trạm xử lý nước thải A/O: Thực hiện xong.
- Đầu tư robot bốc xếp sản phẩm Urê xưởng Thành phẩm: Thi công lắp đặt dự án.
- Đầu tư hệ thống nghiền đá vôi cho lò hơi xưởng Nhiệt và đầu tư dự án lò hơi 130 tấn/h: Phê duyệt dự án và chuyển bước đầu tư.

4.2. Công tác quản trị sản xuất

- Tập trung cao trong công tác điều hành, cân đối phụ tải sản xuất đảm bảo an toàn, hiệu quả. Chủ động rà soát toàn bộ hệ thống thiết bị dây chuyền để nắm rõ tình hình hoạt động và có kế hoạch sửa chữa kịp thời, đảm bảo cho chạy máy liên tục dài ngày.

- Làm tốt việc đảo trộn, cấp than đồng đều cho lò hơi, lò khí hóa Shell để ổn định công nghệ lò, giảm định mức tiêu hao than. Điều chỉnh công nghệ lò Shell phù hợp để kéo dài chu kỳ vận hành lò.

- Tiếp tục thực hiện các công việc theo Kết luận của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam về khắc phục các tồn tại trong công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ và bảo vệ môi trường.

- Đẩy mạnh thực hành tiết kiệm trong sản xuất, chống lãng phí, tiết giảm chi phí, giảm định mức tiêu hao nhằm nâng cao hiệu quả SX-KD cho Công ty.

4.3. Công tác mua vật tư

- Nhận định và dự báo tốt những ảnh hưởng của thị trường nguyên nhiên liệu đầu vào để tính toán, cân đối thời điểm mua vật tư hợp lý, phù hợp với thực tế với giá mua cạnh tranh, đảm bảo về chất lượng và tiến độ cung cấp và nâng cao hiệu quả SXKD.

- Triển khai mua các vật tư, chi tiết dự phòng để đảm bảo sản xuất ổn định, không gián đoạn.

- Thực hiện tốt quy chế mua sắm vật tư hàng hóa của Công ty và quy chế mua sắm giữa các đơn vị nội bộ Tập đoàn HCVN đảm bảo hiệu quả.

4.4. Công tác thị trường và tiêu thụ sản phẩm

- Nắm bắt chặt chẽ diễn biến của thị trường, linh hoạt cơ cấu sản phẩm tiêu thụ Urê/ NH_3 đáp ứng nhu cầu thị trường; tiếp tục đẩy mạnh tiêu thụ Urê theo hướng xuất khẩu và làm nguyên liệu cho sản xuất.

- Bám sát diễn biến thị trường để duy trì và đảm bảo lượng cấp NH_3 cho các khách hàng có nhu cầu sử dụng.

4.5. Công tác lao động, tiền lương

- Bố trí sắp xếp, điều động lao động đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu sản xuất của Công ty, đối với những cương vị sản xuất thiếu lao động trong thời gian chưa tuyển được lao động bổ sung tiếp tục bố trí lao động làm thêm giờ và thanh toán lương thêm giờ theo quy định.

- Tiếp tục triển khai áp dụng chuyển đổi số trong công tác quản lý lao động và tiền lương của Công ty.

4.6. Công tác tài chính

- Cân đối dòng tiền cho hoạt động SX-KD của Công ty và trả nợ gốc/lãi vay dài hạn các ngân hàng để đem lại hiệu quả cao nhất về tài chính.

- Quản lý chặt chẽ công tác chi tiêu tài chính, đảm bảo không lãng phí và đúng với quy chế của Công ty.

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISIC đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ về việc quyết toán dự án hoàn thành dự án cải tạo, mở rộng Nhà máy Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc.

Thực hiện chỉ đạo của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam về tiến độ quyết toán dự án hoàn thành xong trong năm 2017, ngày 01/12/2017 Công ty đã hoàn thiện Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành Dự án cải tạo - mở rộng Nhà máy Phân đạm Hà Bắc, trong đó hợp đồng EPC tự quyết toán.

Trong thời gian qua, Công ty vẫn tiếp tục phối hợp, đôn đốc Nhà thầu để hoàn thiện hồ sơ quyết toán. Tuy nhiên, đến nay hai bên chưa thống nhất một số nội dung vướng mắc. Do vậy, đến nay chưa quyết toán A-B hợp đồng EPC và chưa đủ cơ sở phê duyệt quyết toán dự án cũng như chưa xác nhận được với Nhà thầu các khoản công nợ liên quan.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

- Giá bán Urê và NH₃ giảm mạnh theo giá thế giới và duy trì ở mức thấp, cạnh tranh gay gắt giữa các đơn vị sản xuất trong nước và sản phẩm nhập khẩu.

- Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) cấp hơn 20% tổng lượng than 4a.1 từ cảng Đức Long, chất lượng không phù hợp lò Shell làm ảnh hưởng đến thiết bị, công nghệ.

- Hệ thống điện lưới không ổn định, có thời điểm thiếu làm ảnh hưởng đến phương thức huy động và thời gian sản xuất.

- Đề án tái cơ cấu của Công ty đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt vào tháng 12/2023 giúp tăng hiệu quả SX-KD của Công ty.

Trước những khó khăn thách thức và thuận lợi trên, Hội đồng quản trị đã cùng Ban điều hành Công ty chủ động nắm bắt tình hình, chỉ đạo sát sao, kịp thời điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch phù hợp với tình hình thực tế, đưa ra các định hướng, chính sách kinh doanh, thị trường, sản phẩm đúng đắn, cùng với truyền thống đoàn kết phấn đấu vượt khó khăn của tập thể cán bộ công nhân viên Công ty và sự ủng hộ của Đại lý bạn hàng, của quý cổ đông đã góp phần quan trọng đưa Công ty từng bước vượt qua khó khăn và cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã đề ra.

Năm 2023, hoạt động SX-KD của Công ty đã đạt được kết quả khả quan như: sản lượng sản xuất và sản lượng tiêu thụ đều vượt kế hoạch do ĐHĐCĐ giao, doanh thu đạt 4.435,1 tỷ đồng (ngoài ra còn có 1.803 tỷ đồng từ thu nhập khác không tính vào doanh thu), lợi nhuận trước thuế đạt 858 tỷ đồng. Kết quả hoạt động SXKD của Công ty được đánh giá tốt trước những khó khăn về việc cấp than và giá bán giảm mạnh so với năm 2022.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Trong năm 2023, công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc đã thực hiện đúng theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị đã đề ra, tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế, quy định của Công ty; trong thực hiện nhiệm vụ luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, tính năng động sáng tạo, đoàn kết phấn đấu vượt qua khó khăn để đạt được kết quả cao nhất, cụ thể:

- Ban Tổng giám đốc đã đưa ra các cơ chế, chính sách kinh doanh, thị trường hợp lý.

- Sản phẩm của Công ty luôn ổn định và có chất lượng cao, được người sử dụng trong và ngoài nước tin dùng.

- Việc triển khai các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được Ban Tổng giám đốc thực hiện nghiêm túc.

- Tình hình tài chính, các khoản chi phí được Ban Tổng giám đốc kiểm soát tốt, không để xảy ra thiệt hại cho Công ty.

- Thực hiện tốt chính sách tiền lương, thưởng và quan tâm đến đời sống về nhiều mặt cho người lao động; môi trường làm việc của người lao động tiếp tục được cải thiện.

3. Các kế hoạch, phương hướng, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

3.1. Dự báo tình hình năm 2024

Thuận lợi

- Đề án tái cơ cấu của Công ty được Bộ Chính trị phê duyệt trong năm 2023 góp phần giảm chi phí tài chính cho Công ty.

- Thương hiệu và uy tín của “Đạm Hà Bắc” tiếp tục được bà con nông dân trong nước tin dùng, ủng hộ.

- Với hệ thống khách hàng truyền thống luôn sát cánh cùng Công ty sẽ góp phần giúp Công ty vượt qua khó khăn thách thức.

Khó khăn, thách thức

Năm 2024, dự báo tình hình hoạt động của Công ty sẽ gặp nhiều khó khăn thách thức, đó là:

- Tình hình địa chính trị vẫn diễn biến khó lường, nguy cơ lạm phát, rủi ro năng lượng, kinh tế thế giới và trong nước vẫn phục hồi chậm, ảnh hưởng lớn đến hoạt động SXKD.

- Giá than vẫn giữ ở mức cao, TKV cấp than cám 5a.10 để thay thế than cám 5a.1 (có giá cao hơn than 5a.1) và tính giá than thanh toán theo nhiệt trị.

- Giá bán NH₃ thương phẩm vẫn duy trì ở mức thấp do cạnh tranh giữa các đơn vị sản xuất trong nước và hàng nhập khẩu.

- Quỹ thời gian cho sản xuất giảm do một số hạng mục sửa chữa dài ngày của năm 2023 để trung tu các thiết bị quan trọng chưa thực hiện được. Công ty chuyển sang thực hiện trong năm 2024.

Đó là những khó khăn, thách thức nhưng cũng là cơ hội để Công ty có thể tăng cường công tác quản trị tiết giảm chi phí, giữ vững và củng cố thị trường góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Định hướng phát triển năm 2024

Các chỉ tiêu chủ yếu của Kế hoạch SXKD năm 2024

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch SXKD năm 2024
1	Chỉ tiêu sản xuất chính		
-	Sản lượng SX Urê	tấn	367.440
-	Sản lượng NH ₃ TP	tấn	40.000
2	Chỉ tiêu tiêu thụ		
-	Sản lượng TT Urê	tấn	370.000
-	Sản lượng NH ₃ TP	tấn	40.000
3	Tổng doanh thu	triệu đồng	4.720.374
4	Lợi nhuận trước thuế	triệu đồng	168.317

3.3. Nhiệm vụ của Hội đồng quản trị năm 2024

- Tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo, giám sát hoạt động của Công ty trên mọi lĩnh vực; đảm bảo thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc quyết toán Dự án cải tạo - mở rộng nhà máy Phân đạm Hà Bắc.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tình hình tài chính của Công ty, rà soát và cắt giảm các nội dung, các khoản chi tiêu không hợp lý nhằm tiết giảm chi phí, giảm giá thành, nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường.

- Giám sát và chỉ đạo Ban Tổng giám đốc điều hành sản xuất đảm bảo an toàn, ổn định với phụ tải cao, hiệu quả và thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm tiết giảm chi phí, định mức tiêu hao góp phần tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Giữ vững thị trường truyền thống và mở rộng phát triển thị trường, đẩy mạnh tiêu thụ Urê nguyên liệu, Urê cao cấp và tiêu thụ NH₃ lỏng; tiếp tục nghiên cứu sản phẩm mới có tính chất khác biệt nhằm tăng sản lượng tiêu thụ và tăng hiệu quả kinh doanh.

- Tiếp tục hoàn thiện các quy chế, quy định làm cơ sở cho công tác chỉ đạo điều hành và quản lý trên các mặt hoạt động của Công ty để tăng cường công tác quản lý, giảm chi phí, đặc biệt là vật tư đầu vào cho sản xuất.

- Tiếp tục tái cơ cấu, tổ chức lại sản xuất và quản lý sản xuất theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối trực thuộc, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động.

- Tăng cường công tác đào tạo, thực hiện rà soát lại quy hoạch cán bộ để đào tạo, bồi dưỡng bổ sung đội ngũ có chất lượng khi cần.

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị

1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Chức vụ tại Công ty	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của cá nhân cuối kỳ	Chức danh thành viên HĐQT Công ty liên kết
1	Ông Nguyễn Văn Thiệu	- Chủ tịch HĐQT		
2	Ông Nguyễn Đức Ninh	- Thành viên HĐQT, - Tổng Giám đốc	0,00176%	
3	Ông Phạm Văn Trung	- Thành viên HĐQT, - Phó Tổng Giám đốc	0,00158%	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Khí hóa lỏng Hà Bắc
4	Ông Nguyễn Văn Dũng	- Thành viên HĐQT, - Phó Tổng Giám đốc	0,00169%	
5	Ông Nguyễn Phùng Hưng	- Thành viên HĐQT, - Trưởng phòng TCNS	0,00158%	

Ghi chú: - Các thành viên 1 đến 4: Đại diện sở hữu cho cổ đông lớn là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.

- Thành viên mục 1 và mục 5: Là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: chưa thành lập

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2023, Hội đồng quản trị đã tiến hành 12 phiên họp, tổ chức lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị 22 lần; ban hành 15 nghị quyết, 61 quyết định để điều chỉnh các hoạt động của Công ty.

Công tác quản lý, chỉ đạo của Hội đồng quản trị luôn tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; triển khai có hiệu quả các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên, tôn trọng và đảm bảo quyền lợi của cổ đông; thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ của Công ty, thể hiện trong các lĩnh vực chính sau đây:

a) Trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh

Hội đồng quản trị cùng Ban điều hành Công ty chủ động nắm bắt tình hình, chỉ đạo sát sao, kịp thời điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch phù hợp với tình hình thực tế, đưa ra các định hướng, chính sách kinh doanh, thị trường, sản

phẩm đúng đắn, cùng với truyền thống đoàn kết phấn đấu vượt khó khăn của tập thể cán bộ công nhân viên Công ty và sự ủng hộ của Đại lý bạn hàng, của quý cổ đông đã góp phần quan trọng đưa Công ty từng bước vượt qua khó khăn và hoàn thành vượt các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã đề ra, cụ thể như sau:

	Chỉ tiêu	ĐVT	NQĐHĐ CĐ năm 2023	Thực hiện 2023	Tỷ lệ hoàn thành (%)
1	Chỉ tiêu sản xuất chính				
*	Tổng s.lượng quy đổi ra Urê (tính theo lượng NH ₃ lỏng sản xuất)	tấn	450.000	452.168	100,5
-	Sản lượng SX Urê	tấn	325.860	391.174	120,0
-	Sản lượng NH ₃ TP	tấn	70.000	34.890	49,8
2	Chỉ tiêu tiêu thụ				
*	Tổng s.lượng quy đổi ra Urê (tính theo lượng thương phẩm)	tấn	461.528	471.064	102,1
-	Sản lượng TT Urê	tấn	340.000	410.592	120,8
-	Sản lượng NH ₃ TP	tấn	70.000	34.890	49,8
3	Tổng doanh thu	<i>tỷ đồng</i>	4.615,0	4.435,1	96,1
4	Lợi nhuận trước thuế	<i>tỷ đồng</i>	931,8	858,3	92,1

Năm 2023, hoạt động SX-KD của Công ty đã đạt được kết quả khả quan như: sản lượng sản xuất và sản lượng tiêu thụ đều vượt kế hoạch do ĐHCĐ giao, doanh thu đạt 4.435,1 tỷ đồng (ngoài ra còn có 1.803 tỷ đồng từ thu nhập khác không tính vào doanh thu), lợi nhuận trước thuế đạt 858 tỷ đồng. Kết quả hoạt động SXKD của Công ty được đánh giá tốt trước những khó khăn về việc cấp than và giá bán giảm mạnh so với năm 2022.

Do Công ty còn lỗ lũy kế nên Hội đồng quản trị không trình ĐHCĐ phương án phân phối lợi nhuận.

b) Trong lĩnh vực tài chính

- Tình hình quản lý tài sản: Tổng tài sản của Công ty tại ngày 31/12/2023 là 6.745,8 tỷ đồng. Trong đó tài sản ngắn hạn là 1.197,2 tỷ đồng và tài sản dài hạn là 5.548,6 tỷ đồng.

- Tình hình công nợ phải thu: Tổng nợ phải thu tại ngày 31/12/2023 là 974 tỷ đồng (trong đó nợ phải thu ngắn hạn là 233,2 tỷ đồng; nợ phải thu dài hạn là 740,8 tỷ đồng).

+ Đối với nợ phải thu ngắn hạn của Công ty Chủ yếu là phải thu của khách hàng phát sinh do Công ty bán hàng và cung cấp dịch vụ. Đối với khoản nợ phải thu của Công ty Ngũ hoàn là 54 tỷ đồng phát sinh khi Công ty cung cấp điện, nước và các dịch vụ khác trong giai đoạn chạy thử Dự án Cải tạo – Mở rộng Nhà máy Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc nâng công suất lên 50 vạn tấn/năm, do Dự án chưa quyết toán A-B nên Công ty chưa thu được khoản công nợ trên.

+ Đối với khoản phải thu dài hạn đáng lưu ý là khoản nợ phải thu đối với Công ty Ngũ hoàn là 740,8 tỷ đồng do Công ty tự lập quyết toán hợp đồng EPC theo khoản 8 Điều 4 Thông tư 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016. Tuy nhiên đến nay Nhà thầu Ngũ Hoàn chưa đồng ý.

+ Trích lập các khoản dự phòng phải thu khó đòi: Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng là: 5,34 tỷ đồng, Đó là hai khoản nợ phát sinh đối với Công ty Constrexim- Meco là 5,2 tỷ đồng và UBND phường Trần Nguyên Hãn là 0,134 tỷ đồng.

- Tình hình công nợ phải trả: Tổng số nợ phải trả đến ngày 31/12/2023 là 6.134,3 tỷ đồng (trong đó nợ phải trả ngắn hạn là 1.080,8 tỷ đồng; nợ phải trả dài hạn là 5.053,5 tỷ đồng).

- Khả năng thanh toán nợ của doanh nghiệp: Tình hình tài chính của Công ty năm 2023 tuy đã khởi sắc, tốt hơn các năm trước, tuy nhiên hệ số thanh toán nợ vẫn còn ở mức thấp.

- Các báo cáo tài chính Quý, 06 tháng, hàng năm đều được công bố thông tin theo đúng quy định hoặc trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

c) Trong lĩnh vực đầu tư xây dựng

- Giá trị thực hiện công tác ĐTXD năm 2023 đạt 6,46 tỷ đồng. Trong đó: Chi phí thiết bị 6,22 tỷ đồng; chi phí khác 0,24 tỷ đồng.

- Kết quả triển khai thực hiện 12 dự án đầu tư theo kế hoạch:

+ 07 dự án mua thiết bị lẻ triển khai thực hiện xong.

+ 02 dự án đang triển khai thực hiện đầu tư

+ 03 dự án đang triển khai các gói thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư được phê duyệt (Dự án robot bốc xếp sản phẩm Urê; hệ thống nghiền đá vôi, dự án lò hơi 130 tấn/h cho lò hơi xưởng Nhiệt).

d) Trong lĩnh vực quản trị nội bộ, tổ chức bộ máy quản lý

- Về công tác quản trị nội bộ: các quy chế, quy định, quyết định điều chỉnh các mặt hoạt động của Công ty tiếp tục được rà soát, sửa đổi làm cơ sở cho công tác chỉ đạo, quản lý hoạt động của Công ty. Trong năm 2023, Hội đồng quản trị đã ban hành, sửa đổi, bổ sung 32 quy chế quản lý nội bộ để quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Về cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý: Bộ máy quản lý của Công ty tiếp tục được sắp xếp, kiện toàn đảm bảo theo hướng tinh gọn hơn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả.

đ) Trong lĩnh vực tổ chức cán bộ, chính sách tiền lương

- Về công tác tổ chức cán bộ: Hội đồng quản trị đã quyết định các nội dung quan trọng liên quan đến công tác cán bộ theo thẩm quyền; trình tự, thủ tục được thực hiện đúng Quy chế quản lý cán bộ do Hội đồng quản trị ban hành, cụ thể như sau:

+ Quyết định V/v Phê duyệt danh sách quy hoạch cán bộ quản lý của Công ty cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc giai đoạn 2021-2026 (rà soát, bổ sung năm 2023).

+ Quyết định Phê duyệt danh sách quy hoạch cán bộ lãnh đạo Công ty giai đoạn 2026-2031.

- Về chính sách tiền lương: Hội đồng quản trị đã rà soát, sửa đổi, bổ sung thang bảng lương Công ty làm cơ sở cho việc chi trả lương và giải quyết chế độ cho người lao động phù hợp với quy định của pháp luật và giữ chân người lao động.

e) Trong lĩnh vực quản lý phần vốn đầu tư tại doanh nghiệp khác

Hiện tại, Công ty có 2 khoản đầu tư dài hạn: đầu tư vốn vào 01 Công ty liên kết là Công ty cổ phần Khí Hóa lỏng Hà Bắc với số vốn là 8,62 tỷ đồng (chiếm 36% vốn điều lệ) cổ tức được chia năm 2023 là 5,62 tỷ đồng và đầu tư vào Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát với tỷ lệ sở hữu 4,7% vốn điều lệ, cổ tức được chia năm 2023 là 0,24 tỷ đồng.

Năm 2023, Công ty không phát sinh đầu tư ra ngoài doanh nghiệp.

f) Kết quả thực hiện nhiệm vụ ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông

Hội đồng quản trị đã thực hiện các nhiệm vụ được ủy quyền đúng theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên, cụ thể: năm 2023, Hội đồng quản trị đã quyết định nội dung được ủy quyền sau:

Quyết định lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Moore AISC thực hiện soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty.

1.4 Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị

Trong năm 2023, các thành viên Hội đồng quản trị cơ bản đã tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị (có 01 thành viên vắng mặt có lý do tại phiên họp lần thứ 12 ngày 29/12/2023), các thành viên Hội đồng quản trị đã cho ý kiến bằng văn bản và cùng thông qua các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị với tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích của cổ đông và sự phát triển bền vững của Công ty. Bên cạnh việc hoàn thành nhiệm vụ chung của Hội đồng quản trị, từng thành viên Hội đồng quản trị đã hoàn thành nhiệm vụ trong từng lĩnh vực được phân công.

1.5. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: không có.

1.6. Danh sách thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

Thành viên Hội đồng quản trị Công ty đã được đào tạo lớp Giám đốc Doanh nghiệp ngành Hóa chất; các lớp nghiệp vụ do Công ty và Tập đoàn Hóa chất Việt Nam tổ chức.

2. Ban kiểm soát

2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

TT	Họ và tên	Số CP cá nhân nắm giữ	Số CP cá nhân đại diện	Tổng cộng	Tỷ lệ (%)
1	Hà Xuân Hán - Trưởng ban kiểm soát hoạt động chuyên trách	4.900	0	4.900	0,0018
2	Đặng Thị Minh Lý - Ủy viên kiêm nhiệm	0	0	0	0
3	Lê Anh Tuấn - Ủy viên kiêm nhiệm	3.000	0	3.000	0,0011
	Tổng cộng	7.900	0	7.900	0,0029

2.2 Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm Ban kiểm soát đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Tham gia đóng góp ý kiến vào các nội dung được Hội đồng quản trị đề cập trong chương trình hội nghị. Đồng thời Ban kiểm soát đã cử thành viên tham gia và đóng góp ý kiến đối với các cuộc họp của Công ty khi có yêu cầu. Nhìn

chung Ban kiểm soát đã bám sát các hoạt động của Công ty góp phần đảm bảo hoạt động của tuân thủ pháp luật và mang lại hiệu quả thiết thực.

Trong năm Ban kiểm soát ngoài hoạt động kiểm soát thường xuyên đã tiến hành làm việc tập trung 02 đợt mỗi đợt từ 2 đến 3 ngày để tập trung giải quyết các công việc trọng tâm: Kiểm soát hoạt động của Công ty năm 2023 và thống nhất báo cáo của Ban kiểm soát trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2023; kiểm soát hoạt động và soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2023; thẩm định báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty. Kết quả các Báo cáo đã được trình Hội đồng quản trị của Công ty.

Ngoài các hoạt động thường xuyên theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát đã thực hiện những việc sau:

- Giám sát hoạt động của HĐQT và Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

- Phối hợp với các đơn vị trong Công ty kiểm tra tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản lý chi phí SXKD, công tác điều hành của Công ty;

- Kiểm soát hoạt động SXKD năm 2023 của công ty và hoạt động của Công ty liên kết;

- Thường xuyên giữ mối liên hệ với HĐQT, Ban Tổng giám đốc, cập nhật thông tin đề đề xuất, kiến nghị các giải pháp phục vụ cho công tác quản trị quản lý điều hành sản xuất của Công ty;

- Việc phối hợp cũng như trao đổi thông tin giữa Ban kiểm soát với HĐQT và Ban Tổng giám đốc được duy trì thường xuyên theo nhiều hình thức họp, trao đổi trực tiếp, trao đổi bằng văn bản;

- Trong các cuộc họp của Hội đồng quản trị, cuộc họp giao ban của Ban Điều hành đều có sự tham dự của Ban kiểm soát nhằm nâng cao chất lượng cũng như tính độc lập trong hoạt động kiểm soát. Trong các cuộc họp này Ban kiểm soát đã đưa ra những ý kiến đóng góp trong phạm vi chức năng, quyền hạn của Ban kiểm soát.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích năm 2023

Đơn vị: triệu đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ tại Công ty	Tiền lương	Thù lao, phụ cấp	Thu nhập khác	Tổng cộng
I. Thù lao Hội đồng quản trị; lương của Ban TGD, CBQL						
1	Nguyễn Văn Thiệu	Chủ tịch HĐQT		38,4	13,65	52,05
2	Nguyễn Đức Ninh	TVHĐQT, TGD	586,66	60	22,14	668,81
3	Phạm Văn Trung	TVHĐQT, Phó TGD	525,74	28,8	22,14	576,68
4	Nguyễn Văn Dũng	TVHĐQT, Phó TGD	525,74	28,8	22,14	576,68
5	Nguyễn Đình Hồng	Phó TGD	421,63		21,05	442,68
6	Lê Anh Tuấn	Kế toán trưởng	459,02		22,14	481,16
7	Nguyễn Phùng Hưng	TV.HĐQT - TP TCNS (đến 20/11/2023)	358,37	36	24,75	419,12
II. Tiền lương, thù lao Ban kiểm soát						
1	Hà Xuân Hán	Trưởng ban Kiểm soát	478,36		22,14	500,5
2	Đặng Thị Minh Lý	TV Ban KS		28,8	13,65	42,45
3	Lê Anh Tuấn	TV Ban KS, PP.KTSX	342,97	96,4	19,47	458,84

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: Theo đúng quy định hiện hành.

VI. Báo cáo tài chính: Xem phụ lục Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán



Nguyễn Đức Ninh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN ĐẠM
VÀ HÓA CHẤT HÀ BẮC**

MỤC LỤC

----- oOo -----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN	03 - 04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08 - 09
6. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 37

11/11/2011

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN ĐẠM VÀ HÓA CHẤT HÀ BẮC

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc trân trọng đệ trình Báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

1. Thông tin chung về Công ty:

Thành lập:

Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty 100% vốn Nhà nước là Công ty TNHH Một thành viên Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc từ ngày 01 tháng 01 năm 2016. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2400120344, đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 09 tháng 10 năm 2019.

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty cổ phần

Hoạt động kinh doanh của Công ty:

Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm hóa chất và phân bón, cụ thể: phân đạm Urê, NH₃, CO₂, các sản phẩm khí công nghiệp, điện ...

Tên tiếng anh: Habac Nitrogenous Fertilizer and Chemicals Joint Stock Company

Tên viết tắt: HANICHEMCO

Mã chứng khoán: DHB

Trụ sở chính: Đường Trần Nguyên Hãn, phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

Hội đồng Quản trị

Ông	Nguyễn Văn Thiệu	Chủ tịch
Ông	Nguyễn Đức Ninh	Thành viên
Ông	Phạm Văn Trung	Thành viên
Ông	Nguyễn Văn Dũng	Thành viên
Ông	Nguyễn Phùng Hưng	Thành viên
Ông	Đặng Xuân Thủy	Phụ trách quản trị

Ban Kiểm soát

Ông	Hà Xuân Hán	Trưởng ban
Bà	Đặng Thị Minh Lý	Thành viên
Ông	Lê Anh Tuấn	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông	Nguyễn Đức Ninh	Tổng Giám đốc
Ông	Nguyễn Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Phạm Văn Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Nguyễn Đình Hồng	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 16/02/2023)
Ông	Lê Anh Tuấn	Kế toán trưởng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính như sau:

Ông Nguyễn Đức Ninh

Tổng Giám đốc

5. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học MOORE AISIC (“MOORE AISIC”) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

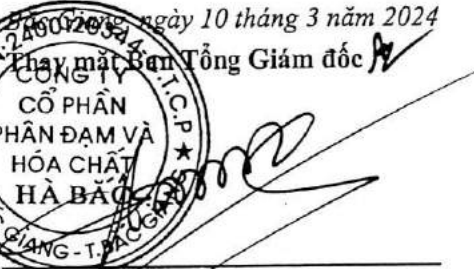
Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

7. Cam kết

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

ngày 10 tháng 3 năm 2024
Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Ninh

Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN ĐẠM VÀ HÓA CHẤT HÀ BẮC

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 10 tháng 3 năm 2024, từ trang 05 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Công ty đã ghi nhận nguyên giá và trích khấu hao tài sản cố định của dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy Phân đạm Hà Bắc theo Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành do chủ đầu tư lập ngày 01/12/2017 khi chưa có đầy đủ quyết toán A-B các gói thầu 10, 14, 8 và hợp đồng tư vấn kiểm tra hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng với các nhà thầu và phê duyệt quyết toán hoàn thành của cấp có thẩm quyền. Dẫn đến phát sinh các khoản công nợ liên quan đến nhà thầu nước ngoài và các khoản công nợ khác (xem chi tiết tại thuyết minh số V.3; V.5; V.12; V.16 và VII.1)

Với các bằng chứng đã thu thập được và các thủ tục kiểm toán thay thế khác, chúng tôi chưa đủ cơ sở để đưa ra tính hiện hữu và đầy đủ của các khoản công nợ trên cũng như các khoản nợ tiềm tàng có thể phát sinh trong tương lai liên quan đến quyết toán dự án hoàn thành nêu trên.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn nhấn mạnh tới người đọc về nội dung được trình bày tại thuyết minh số VII.4. Theo đó, trong năm 2023, Công ty ký các phụ lục hợp đồng với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Ngân hàng Phát triển Khu vực Bắc Đông Bắc về việc xóa nợ lãi tính trên nợ gốc quá hạn và nợ lãi tính trên nợ lãi chậm trả, giảm lãi suất các khoản vay và cơ cấu lại thời hạn trả nợ. Sau khi được xóa lãi vay, giảm lãi suất các khoản vay và cơ cấu lại thời hạn trả nợ, tài sản ngắn hạn của Công ty đã đảm bảo thanh toán cho các khoản nợ ngắn hạn, vốn góp của Chủ sở hữu lớn hơn lỗ lũy kế đến thời điểm 31/12/2023. Do vậy Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty được trình bày trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Tại thuyết minh V.9, Công ty đã tạm hạch toán và trích khấu hao Tài sản cố định hữu hình của Dự án cải tạo, mở rộng Nhà máy phân đạm Hà Bắc theo Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành do chủ đầu tư lập ngày 01/12/2017.

Tại thuyết minh IV.8, V.11, Công ty ghi nhận chi phí khấu hao được giãn của các năm 2017, 2018, 2019 trên chi tiêu Chi phí trả trước dài hạn - Mã số 261 trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2024

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học MOORE AISC



PHẠM XUÂN SƠN

Giám đốc chi nhánh

Số giấy CNĐKHNKT: 1450-2023-005-1
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp



PHAN CÔNG VĂN

Kiểm toán viên

Số GCNĐKHNKT: 5298-2021-005-1
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.197.217.623.498	1.396.674.986.561
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	321.675.669.771	207.176.087.962
1. Tiền	111		321.675.669.771	207.176.087.962
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	18.000.000.000	33.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		18.000.000.000	33.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		233.221.559.009	304.733.856.039
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	200.035.369.805	285.441.849.680
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	18.432.123.924	4.620.803.888
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	20.098.402.342	20.015.539.533
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.3,4,5	(5.344.337.062)	(5.344.337.062)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	606.416.719.831	847.359.770.492
1. Hàng tồn kho	141		606.416.719.831	847.359.770.492
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		17.903.674.887	4.405.272.068
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11a	5.463.108.399	4.405.272.068
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		10.754.647.734	0
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	1.685.918.754	0
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.548.647.382.535	6.184.767.763.329
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		740.804.017.963	740.804.017.963
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	740.804.017.963	740.804.017.963
II. Tài sản cố định	220		4.064.082.996.807	4.596.453.651.304
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	4.062.847.912.136	4.593.924.337.101
- Nguyên giá	222		9.819.220.986.616	9.809.519.096.005
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.756.373.074.480)	(5.215.594.758.904)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	1.235.084.671	2.529.314.203
- Nguyên giá	228		13.226.611.293	13.226.611.293
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(11.991.526.622)	(10.697.297.090)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.8	71.809.337.198	72.329.230.049
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		33.552.540	33.552.540
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		71.775.784.658	72.295.677.509
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	13.218.878.465	13.218.878.465
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		9.662.812.368	9.662.812.368
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.556.066.097	3.556.066.097
VI. Tài sản dài hạn khác	260		658.732.152.102	761.961.985.548
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11b	658.732.152.102	761.961.985.548
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		6.745.865.006.033	7.581.442.749.890

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		6.134.258.143.777	7.833.626.432.159
I. Nợ ngắn hạn	310		1.080.764.573.583	6.254.273.477.206
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.12	414.511.282.093	394.034.033.187
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	9.071.721.825	3.636.083.024
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	1.112.279.092	8.152.494.960
4. Phải trả người lao động	314		70.064.940.205	53.903.787.415
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	8.998.258.018	12.118.178.705
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	202.936.667.471	4.032.533.024.147
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	374.004.949.047	1.749.831.399.936
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		64.475.832	64.475.832
II. Nợ dài hạn	330		5.053.493.570.194	1.579.352.954.953
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	2.538.419.080.194	94.408.810.795
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	2.515.074.490.000	1.484.944.144.158
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.19	611.606.862.256	(252.183.682.269)
I. Vốn chủ sở hữu	410		611.606.862.256	(252.183.682.269)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.722.000.000.000	2.722.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.722.000.000.000	2.722.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(2.110.393.137.744)	(2.974.183.682.269)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(2.968.677.588.834)	(4.753.330.061.197)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		858.284.451.090	1.779.146.378.928
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		6.134.258.143.777	7.581.442.749.890



Nguyễn Thị Hồng Nhung
Người lập biểu

Bắc Giang, ngày 10 tháng 3 năm 2024

Lê Anh Tuấn
Kế toán trưởng

Nguyễn Đức Ninh
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	4.413.475.970.445	6.441.029.337.434
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		4.413.475.970.445	6.441.029.337.434
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	4.428.747.705.041	3.606.419.139.234
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		(15.271.734.596)	2.834.610.198.200
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	12.246.233.322	39.922.127.052
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	690.364.050.440	832.085.820.803
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		642.445.738.924	757.358.055.833
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5a	94.768.244.031	114.003.092.732
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5b	156.638.227.377	151.987.277.830
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		(944.796.023.122)	1.776.456.133.887
11. Thu nhập khác	31	VI.6	1.803.845.265.031	2.783.619.738
12. Chi phí khác	32	VI.7	764.790.819	93.374.697
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.803.080.474.212	2.690.245.041
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		858.284.451.090	1.779.146.378.928
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	0	0
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		858.284.451.090	1.779.146.378.928
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	3.153,14	6.536,17



Nguyễn Thị Hồng Nhung
Người lập biểu

Bắc Giang, ngày 10 tháng 3 năm 2024



Lê Anh Tuấn
Kế toán trưởng



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		858.284.451.090	1.779.146.378.928
2. Điều chỉnh cho các khoản :				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9,10	624.767.388.163	624.729.946.592
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		47.558.939.282	62.479.701.431
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(8.983.445.949)	(32.787.007.682)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	642.445.738.924	757.358.055.833
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		2.164.073.071.510	3.190.927.075.102
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		59.200.704.924	(97.079.596.381)
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		240.943.050.661	(327.774.935.333)
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(1.760.922.188.908)	76.713.148.950
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		17.849.618.387	54.108.011.753
- Tiền lãi vay đã trả	14		(233.668.733.275)	(209.664.630.482)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		487.475.523.299	2.687.229.073.609
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(9.724.189.483)	(1.463.764.545)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		0	233.090.909
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		0	(15.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		15.000.000.000	0
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	71.010.843.550
6. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8.737.615.812	5.947.852.693
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		14.013.426.329	60.728.022.607

T.T.N.
S
M

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		1.650.153.340.205	763.014.587.804
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.035.282.588.604)	(3.588.821.044.159)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(385.129.248.399)	(2.825.806.456.355)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+ 30 + 40)	50		116.359.701.229	(77.849.360.139)
Tiền và tương đương tiền đầu năm/lũy	60		207.176.087.962	288.200.444.662
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.860.119.420)	(3.174.996.561)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	V.1	321.675.669.771	207.176.087.962

Nguyễn Thị Hồng Nhung
 Người lập biểu
 Bắc Giang, ngày 10 tháng 3 năm 2024

Lê Anh Tuấn
 Kế toán trưởng



Nguyễn Đức Ninh
 Tổng Giám đốc

chung

K

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Thành lập:**

Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty 100% vốn Nhà nước là Công ty TNHH Một thành viên Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc từ ngày 01 tháng 01 năm 2016. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2400120344, đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 09 tháng 10 năm 2019.

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm hóa chất và phân bón, cụ thể: phân đạm Urê, NH₃, CO₂, các sản phẩm khí công nghiệp, điện ...

Tên tiếng anh: Habac Nitrogenous Fertilizer and Chemicals Joint Stock Company

Tên viết tắt: HANICHEMCO

Mã chứng khoán: DHB

Trụ sở chính: Đường Trần Nguyên Hãn, phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hằng năm.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:

Không có

6. Tổng số lao động đến ngày 31 tháng 12 năm 2023: 1.238 người.

(Ngày 31 tháng 12 năm 2022: 1.230 người)

7. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các công ty liên doanh, liên kết

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có một (01) công ty liên doanh, liên kết như sau:

Tên Công ty và địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Khí hóa lỏng Hà Bắc	Sản xuất và kinh doanh CO ₂	36,00%	36,00%	36,00%

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hằng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính".

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Công ty thực hiện quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán.

Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế

Tất cả các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ (mua bán ngoại tệ, góp vốn hoặc nhận vốn góp, ghi nhận nợ phải thu, nợ phải trả, các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ) được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả, ngoại trừ các khoản mục khoản trả trước cho người bán, người mua trả tiền trước, các khoản đặt cọc và các khoản doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Nguyên tắc xác định tỷ giá ghi sổ kế toán

Khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh.

Khi thanh toán tiền bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Nguyên tắc kế toán đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, các khoản đầu tư này được đánh giá theo giá trị có thể thu hồi. Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và ghi giảm giá trị đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết**

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty đó. Khi Công ty không còn nắm giữ quyền kiểm soát công ty con thì ghi giảm khoản đầu tư vào công ty con.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được ghi nhận khi Công ty có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty này. Khi Công ty không còn quyền đồng kiểm soát thì ghi giảm khoản đầu tư vào công ty liên doanh.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi Công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết được trích lập khi doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn hoặc khi giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị suy giảm giá trị. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư là báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được đầu tư (nếu công ty này là công ty mẹ), là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư (nếu công ty này là doanh nghiệp độc lập không có công ty con).

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được tập hợp theo chi phí thực tế phát sinh cho từng giai đoạn sản xuất trong dây chuyền.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh trong quá trình sản xuất.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):**6.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

6.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

6.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

<i>Nhà xưởng, vật kiến trúc</i>	5 - 25 năm
<i>Máy móc, thiết bị</i>	5 - 15 năm
<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	6 năm
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	3 - 8 năm

Căn cứ vào thông báo số 947/HCVN-TCKT ngày 24/5/2017 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam, cụ thể như sau:

- Năm 2017, Công ty thực hiện trích khấu hao tài sản cố định 40% theo phương pháp đường thẳng;
- Năm 2018 và 2019, Công ty thực hiện trích khấu hao tài sản cố định 50% theo phương pháp đường thẳng.

Công ty ghi nhận chi phí khấu hao được giãn vào chỉ tiêu "Chi phí trả trước dài hạn" trên Bảng cân đối kế toán.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như: Chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và các chi phí khác.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: Chi phí mua bảo hiểm (bảo hiểm cháy, nổ, bảo hiểm xe, bảo hiểm tài sản...); công cụ dụng cụ; chi phí sửa chữa TSCĐ; tiền thuê đất trả trước; lợi thế kinh doanh; chi phí khấu hao được giãn ...

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 36 tháng. Riêng lợi thế kinh doanh khi cổ phần hóa được phân bổ 10 năm; chi phí khấu hao được giãn phân bổ 2 năm (với các tài sản có thời gian sử dụng còn lại nhỏ hơn hoặc bằng 2 năm) và phân bổ theo thời gian sử dụng còn lại (với các tài sản có thời gian sử dụng còn lại trên 2 năm).

9. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay.

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay:

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 " Chi phí đi vay".

Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ: Trường hợp phát sinh các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Chi phí phải trả bao gồm; chi phí lãi tiền vay... đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả. Các chi phí này được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả theo các hợp đồng, thỏa thuận,...

13. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

Dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau: Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; Và đưa ra một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm, dự phòng cho việc sửa chữa, bảo dưỡng TSCĐ định kỳ (theo yêu cầu kỹ thuật).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:**

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (lãi tỷ giá hối đoái)...

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng.
- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, dịch vụ, bán trong kỳ và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí cho vay và đi vay vốn; Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

19. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong kỳ chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

20. Công cụ tài chính:**Ghi nhận ban đầu:****Tài sản tài chính**

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết, không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay và các công cụ tài chính phái sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

20. Công cụ tài chính (tiếp theo)**Giá trị sau ghi nhận lần đầu**

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

21. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

22. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Do hoạt động của Công ty chủ yếu tập trung vào lĩnh vực sản xuất và kinh doanh phân bón, doanh thu và chi phí chủ yếu phát sinh ở địa bàn tỉnh Bắc Giang nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý và lĩnh vực kinh doanh.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2023	01/01/2023
Tiền	321.675.669.771	207.176.087.962
Tiền mặt	4.733.275.554	1.770.121.950
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	316.942.394.217	205.405.966.012
Cộng	321.675.669.771	207.176.087.962

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Các khoản đầu tư tài chính**a. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a1. Ngắn hạn	18.000.000.000	18.000.000.000	33.000.000.000	33.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	18.000.000.000	18.000.000.000	33.000.000.000	33.000.000.000
Cộng	18.000.000.000	18.000.000.000	33.000.000.000	33.000.000.000

(*) Chi tiết các khoản tiền gửi có kỳ hạn

Số hợp đồng	Số dư	Kỳ hạn	Lãi suất	Ngày đáo hạn
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Giang				
HĐTGT280/2019/15293	8.000.000.000	6 tháng	4,4%/năm	11/03/2024
HĐTGT280/2021/22746	10.000.000.000	1 năm	5,2%/năm	22/07/2024
Tổng cộng	18.000.000.000			

Các hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang dùng làm tài sản đảm bảo để phát hành bảo lãnh và mở L/C tại ngân hàng này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2023			01/01/2023		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	9.662.812.368		0	9.662.812.368		0
Công ty CP Khí Hóa lỏng Hà Bắc	9.662.812.368		0	9.662.812.368		0
- Các khoản đầu tư khác	3.556.066.097	5.320.000.000	0	3.556.066.097	6.740.000.000	0
Công ty CP Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc	3.556.066.097	5.320.000.000		3.556.066.097	6.740.000.000	
Cộng	13.218.878.465	5.320.000.000	0	13.218.878.465	6.740.000.000	0

(*): Giá trị hợp lý được xác định dựa trên giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính năm do Sở Giao dịch chứng khoán công bố là 13.300 VND/CP.

- *Tình hình hoạt động của các công ty liên kết, các khoản đầu tư khác và các giao dịch trọng yếu giữa các bên liên quan trong kỳ:*

Công ty liên kết - Công ty CP Khí hóa lỏng Hà Bắc

- Công ty CP Khí hóa lỏng Hà Bắc hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2400742955 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 30/10/2014. Tại 31/12/2023, Công ty ghi nhận khoản đầu tư vào Công ty liên kết 864.906 cổ phần, tương ứng giá trị là 9.662.812.368 VND, tương đương 36% vốn điều lệ. Hoạt động của Công ty liên kết trong kỳ là sản xuất và kinh doanh CO2.

Các giao dịch phát sinh trong kỳ với Công ty liên kết: bán nước, CO2. (Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.2)

Đầu tư khác - Công ty CP Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc

Công ty CP Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2400395807 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 01/02/2008, thay đổi lần năm ngày 27/10/2022. Tại 31/12/2023, Công ty ghi nhận khoản đầu tư vào Công ty con 400.000 cổ phần, tương ứng giá trị là 3.556.066.097 VND, tương đương 4,76% vốn điều lệ. Hoạt động của Công ty con trong kỳ là sản xuất và kinh doanh H2O2.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Phải thu của khách hàng	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	200.035.369.805	0	285.441.849.680	0
Công ty CP Khoa học kỹ thuật Ngũ Hoàn - VP điều hành Công trình tại Bắc Giang (*)	54.084.783.360	0	54.084.783.360	0
Công ty CP Khí công nghiệp Long Biên	44.414.335.960	0	15.752.060.640	0
Dongwha International Co., Limited	30.498.352.500	0	0	0
Công ty TNHH Thương mại Thủy Ngân	28.246.400.000	0	14.236.080.000	0
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Thương mại Tổng hợp Thanh Sơn	22.558.800.000	0	0	0
Công ty CP Khí hóa lỏng Hà Bắc	1.070.230.779	0	2.213.620.912	0
Tổng Công ty Công nghiệp hóa chất mỏ - Vinacomin	0	0	84.586.196.035	0
Công ty Cổ phần DAP số 2 - VINACHEM	0	0	79.116.503.400	0
Các đối tượng khác	19.162.467.206	0	35.452.605.333	0
Cộng	200.035.369.805	0	285.441.849.680	0
b. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan				
Công ty Cổ phần DAP số 2 - VINACHEM	0	0	79.116.503.400	0
Công ty CP Khí hóa lỏng Hà Bắc	1.070.230.779	0	2.213.620.912	0
Cộng	1.070.230.779	0	81.330.124.312	0

(*) Đây là khoản công nợ phải thu nhà thầu liên quan đến hoạt động chạy thử của tài sản cố định thuộc dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy phân đạm Hà Bắc.

Toàn bộ công nợ phải thu khách hàng được thế chấp theo hợp đồng vay ngắn hạn số 01/2023-HĐCVHM/NHCT280-ĐHB ngày 19/06/2023 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Giang.

305
CC
T
TOÁ
TII
90
/ T.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Trả trước cho người bán	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	18.432.123.924	0	4.620.803.888	0
Công ty TNHH Hoá chất Dầu khí Động Thiên Nhạc Dương Trung Quốc	10.505.783.174	0	0	0
Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Kỹ thuật Hạo Thiên Đại Dương	2.754.299.690	0	0	0
Công ty TNHH Vật tư và Thương mại Hòa Tấn Nam Ninh Trung Quốc	1.757.947.755	0	959.382.602	0
Công ty CP Chế tạo Thiết bị điện Việt Nam	0		769.745.454	
Các đối tượng khác	3.414.093.305	0	2.891.675.832	0
Cộng	18.432.123.924	0	4.620.803.888	0
b. Trả trước cho người bán là các bên liên quan				
Trường Cao đẳng Công nghiệp Hóa chất	0	0	233.750.000	0
Cộng	0	0	233.750.000	0
5. Phải thu khác	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	20.098.402.342	(5.344.337.062)	20.015.539.533	(5.344.337.062)
Công ty CP Constrexim MECO Hà Nội - Giá trị ứng trước san lấp mặt bằng dự án Tái định cư	5.210.337.062	(5.210.337.062)	5.210.337.062	(5.210.337.062)
Phải thu khác liên quan công nợ Dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy phân đạm	4.654.692.143	0	4.654.692.143	0
Phải thu điều chỉnh chi phí đền bù mặt bằng tuyến ống 390,395	2.701.391.102	0	2.701.391.102	0
Các khoản phải thu khác	7.531.982.035	(134.000.000)	7.449.119.226	(134.000.000)
b. Dài hạn	740.804.017.963	0	740.804.017.963	0
Phải thu nhà thầu EPC gói 8- Dự án Cải tạo, mở rộng nhà máy phân đạm Hà Bắc (*)	740.804.017.963	0	740.804.017.963	0
Cộng	760.902.420.305	(5.344.337.062)	760.819.557.496	(5.344.337.062)

(*): Giá trị điều chỉnh giảm nguyên giá TSCĐ thuộc dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy phân đạm Hà Bắc (Xem thêm thuyết minh V.9)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Nợ xấu	31/12/2023			01/01/2023		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	5.344.337.062	(5.344.337.062)	0	5.344.337.062	(5.344.337.062)	0
Công ty CP Constrexim MECO Hà Nội - Giá trị ứng trước san lấp mặt bằng dự án Tái định cư	5.210.337.062	(5.210.337.062)	0	5.210.337.062	(5.210.337.062)	0
UBND Phường Trần Nguyên Hãn	134.000.000	(134.000.000)	0	134.000.000	(134.000.000)	0

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7. Hàng tồn kho	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	488.687.422.241	0	556.631.514.967	0
Công cụ, dụng cụ	443.452.851	0	496.892.662	0
Chi phí SX, KD dở dang	20.306.728.918	0	25.654.015.366	0
Thành phẩm	96.979.115.821	0	264.577.347.497	0
Cộng	606.416.719.831	0	847.359.770.492	0

Toàn bộ hàng tồn kho được thế chấp theo hợp đồng vay ngắn hạn số 01/2023-HĐCVHM/NHCT280-ĐHB ngày 19/06/2023 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Giang.

8. Tài sản dở dang dài hạn	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Chi phí sản xuất,				
a. kinh doanh dở dang	33.552.540	0	33.552.540	0
dài hạn				
- Nghiên cứu thực hiện đề tài CA	33.552.540	0	33.552.540	0
b. Xây dựng cơ bản dở dang	71.775.784.658	0	72.295.677.509	0
- Dự án tái định cư (*)	70.873.660.448	0	70.873.660.448	0
- Dự án đầu tư lò hơi 130 tấn/h - Xưởng Nhiệt	11.310.909	0	0	0
- Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống nghiên cứu đá vôi lò hơi - Xưởng Nhiệt	10.987.963	0	0	0
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	879.825.338	0	1.422.017.061	0
Cộng	71.809.337.198	0	72.329.230.049	0

(*) Dự án được đầu tư bởi Công ty CP Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc với tổng mức đầu tư 87 tỷ đồng. Nguồn vốn thực hiện từ thu tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, Công ty ứng vốn trước để thực hiện. Địa điểm tại phường Thọ Xương, Tp Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Mục đích của dự án là tái định cư cho người dân nằm trong dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy Phân đạm Hà Bắc. Đến nay, dự án đã cơ bản hoàn thành và đang trong giai đoạn chờ quyết toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

9. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá (*)				
Số dư đầu năm	2.030.985.271.325	7.749.222.146.094	29.311.678.586	9.809.519.096.005
<i>ĐT XD CB h. thành</i>	6.586.203.684	689.832.382	0	7.276.036.066
<i>Mua trong năm</i>	0	0	1.407.672.727	1.407.672.727
<i>Tặng khác (**)</i>	0	1.018.181.818	0	1.018.181.818
Số dư cuối năm	2.037.571.475.009	7.750.930.160.294	30.719.351.313	9.819.220.986.616
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	849.223.771.999	4.339.997.703.427	26.373.283.478	5.215.594.758.904
<i>Khấu hao trong năm</i>	69.149.140.944	470.723.094.932	887.748.443	540.759.984.319
<i>Tặng khác (**)</i>	0	18.331.257	0	18.331.257
Số dư cuối năm	918.372.912.943	4.810.739.129.616	27.261.031.921	5.756.373.074.480
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	1.181.761.499.326	3.409.224.442.667	2.938.395.108	4.593.924.337.101
Số dư cuối năm	1.119.198.562.066	2.940.191.030.678	3.458.319.392	4.062.847.912.136

(*) Nguyên giá đầu kỳ của tài sản cố định bao gồm giá trị của các tài sản cố định thuộc dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy Phân đạm Hà Bắc. Dự án này đã được hạch toán tạm tăng tài sản cố định từ tháng 4 năm 2015 với tổng nguyên giá 9.578.015.411.146 VNĐ. Năm 2017, căn cứ theo Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành được lập ngày 01/12/2017, Công ty thực hiện điều chỉnh giảm 731.345.834.964 VNĐ nguyên giá tài sản cố định hình thành từ dự án này, nguyên giá mới được xác định là 8.846.669.576.182 VNĐ và trích khấu hao tài sản cố định theo nguyên giá mới. Giá trị cắt giảm chủ yếu liên quan đến phần vật tư, thiết bị của gói thầu 8 do Công ty Hữu hạn Cổ phần Khoa học Ngũ Hoàn thực hiện nên Công ty ghi nhận khoản phải thu với nhà thầu. Hiện nay, Công ty đang chờ phê duyệt hoàn thành từ cấp có thẩm quyền và có thể phát sinh tranh chấp hợp đồng với nhà thầu do chưa có quyết toán A-B.

(**) Điều chỉnh nguyên giá và khấu hao máy móc thiết bị theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước.

- Trong đó:

+ Giá trị còn lại của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 4.047.022.866.170 VNĐ

+ Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 929.694.197.927 VNĐ

10. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	13.226.611.293	13.226.611.293
Số dư cuối năm	13.226.611.293	13.226.611.293
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	10.697.297.090	10.697.297.090
<i>Khấu hao trong năm</i>	1.294.229.532	1.294.229.532
Số dư cuối năm	11.991.526.622	11.991.526.622
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	2.529.314.203	2.529.314.203
Số dư cuối năm	1.235.084.671	1.235.084.671

* Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.872.775.000 VNĐ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Chi phí trả trước	31/12/2023	01/01/2023
Chi phí trả trước ngắn hạn	5.463.108.399	4.405.272.068
Chi phí bảo hiểm	3.649.621.730	3.910.143.489
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.813.486.669	495.128.579
Chi phí trả trước dài hạn	658.732.152.102	761.961.985.548
Lợi thế kinh doanh khi cổ phần hóa	37.670.700.057	56.506.050.085
Tiền thuê đất (*)	54.022.307.654	55.631.512.070
Khấu hao TSCĐ được giãn theo Thông báo số 947/HCVN-TCKT	566.719.638.071	649.432.812.383
Chi phí trả trước dài hạn khác	319.506.320	391.611.010
Cộng	664.195.260.501	766.367.257.616

(*) Theo Thông báo số 163/TB-STC ngày 07/08/2015 của Sở Tài chính tỉnh Bắc Giang và các văn bản xác định tiền thuê đất được bù trừ vào tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng của dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy Phân đạm Hà Bắc của Cục Thuế tỉnh Bắc Giang, các khoản được trừ vào tiền thuê đất hàng năm dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy Phân đạm Hà Bắc tại thôn Hương Mãn - xã Xuân Hương - huyện Lạng Giang, 02 lô đất tại khu vực phường Thọ Xương - Tp Bắc Giang đến năm 2058 được bù trừ vào tiền thuê đất hàng năm với tổng số tiền là 65.613.266.507 VNĐ. Tại thời điểm 31/12/2023, số tiền giải phóng mặt bằng còn được bù trừ với số tiền thuê đất của dự án là 54.022.307.654 VNĐ.

12. Phải trả người bán	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	414.511.282.093	414.511.282.093	394.034.033.187	394.034.033.187
Công ty Hữu hạn Cổ phần Khoa học Kỹ thuật Ngũ Hoàn (*)	225.664.114.513	225.664.114.513	219.529.524.758	219.529.524.758
Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	129.266.744.720	129.266.744.720	49.138.911.721	49.138.911.721
Công ty CP Khoáng sản ĐAN KA	18.135.406.608	18.135.406.608	0	0
Công ty CP LILAMA 69-1 Phả Lại	5.342.319.352	5.342.319.352	11.144.543.909	11.144.543.909
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hoàng Gia	4.124.224.500	4.124.224.500	38.099.818.790	38.099.818.790
Công ty CP Đầu tư Xuất nhập khẩu Hoàng Anh	713.275.502	713.275.502	10.174.298.043	10.174.298.043
Phải trả nhà cung cấp khác liên quan đến Dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy Phân đạm Hà Bắc	4.048.922.302	4.048.922.302	10.183.512.057	10.183.512.057
Các đối tượng khác	27.216.274.596	27.216.274.596	55.763.423.909	55.763.423.909
Cộng	414.511.282.093	414.511.282.093	394.034.033.187	394.034.033.187

(*) Đây là khoản công nợ phải trả nhà thầu liên quan đến dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy Phân đạm Hóa chất Hà Bắc.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

12. Phải trả người bán (tiếp theo)**b. Phải trả người bán là các bên liên quan**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Viện Hóa học Công nghiệp Việt Nam	2.696.540.000	2.696.540.000	2.486.660.000	2.486.660.000
Cộng	2.696.540.000	2.696.540.000	2.486.660.000	2.486.660.000

13. Người mua trả tiền trước**a. Ngắn hạn**

	31/12/2023	01/01/2023
Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai	3.713.845.300	0
Công ty TNHH Sản xuất Dịch vụ và Thương mại Huỳnh Thành	1.172.402.952	0
Công ty CP Vật tư Nông nghiệp và Xây dựng Hải Phòng	1.170.600.000	0
Công ty CP Đầu tư và Xuất nhập khẩu Long Hưng	900.000.000	0
Công ty CP Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	46.600.000	0
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam Chi nhánh Phân bón - Hóa chất	0	1.411.082.480
Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam	0	329.027.000
Các đối tượng khác	2.068.273.573	1.895.973.544
Cộng	9.071.721.825	3.636.083.024

b. Người mua trả tiền trước là các bên liên quan

Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam Chi nhánh Phân bón - Hóa chất	0	1.411.082.480
Công ty CP Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	46.600.000	0
Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam	0	329.027.000
Cộng	46.600.000	1.740.109.480

14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2023
a. Phải nộp				
Thuế GTGT đầu ra	7.005.462.879	2.690.203.027	9.695.665.906	0
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	0	5.269.526.964	5.269.526.964	0
Thuế xuất, nhập khẩu	0	27.092.960.203	26.768.224.203	324.736.000
Thuế thu nhập cá nhân	489.010.265	2.399.979.146	2.545.900.207	343.089.204
Thuế tài nguyên	116.064.000	1.217.770.380	1.265.298.480	68.535.900
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	0	5.463.787.339	5.463.787.339	0
Lệ phí môn bài	0	3.000.000	3.000.000	0
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	541.957.816	2.518.709.385	2.684.749.213	375.917.988
Cộng	8.152.494.960	46.655.936.444	53.696.152.312	1.112.279.092
b. Phải thu				
Tiền thuê đất	0	0	1.685.918.754	1.685.918.754
Cộng	0	0	1.685.918.754	1.685.918.754

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	31/12/2023	01/01/2023
15. Chi phí phải trả		
a. Ngắn hạn	8.998.258.018	12.118.178.705
Chi phí lãi vay	914.872.849	952.757.219
Trích trước chi phí sửa chữa tài sản	0	9.732.234.834
Trích trước chi phí tiền điện	6.275.431.354	0
Các khoản trích trước khác	1.807.953.815	1.433.186.652
Cộng	8.998.258.018	12.118.178.705
16. Phải trả khác	31/12/2023	01/01/2023
a. Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	1.010.624.685	547.097.351
Phải trả lãi vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Ngân hàng Phát triển Khu vực Bắc Đông Bắc (*)	130.000.000.000	3.911.445.870.533
Phải trả Tập đoàn Hóa Chất Việt Nam về khoản thu từ thanh lý vật tư không dùng khi cổ phần hóa	5.289.270.000	69.761.270.000
Vật tư đã nhập kho chưa ghi nhận công nợ	14.054.845.152	4.792.904.709
Phải trả chi phí dự án tái định cư (**)	1.911.956.217	1.911.956.217
Nguồn kinh phí dự án tái định cư được cấp (*)	2.803.991.000	2.803.991.000
Các khoản phải trả liên quan phần tự quyết toán dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy Phân đạm Hà Bắc	35.151.624.197	35.151.624.197
Các khoản phải trả, phải nộp khác	12.714.356.220	6.118.310.140
Cộng	202.936.667.471	4.032.533.024.147
b. Dài hạn		
Phải trả lãi vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Ngân hàng Phát triển Khu vực Bắc Đông Bắc (*)	2.388.202.596.753	0
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	83.406.683.441	27.599.010.795
Thu tiền sử dụng đất dự án Tái định cư (**)	66.809.800.000	66.809.800.000
Cộng	2.538.419.080.194	94.408.810.795
c. Phải trả khác là các bên liên quan		
Phải trả Tập đoàn Hóa Chất Việt Nam về khoản thu từ thanh lý vật tư không dùng khi cổ phần hóa	5.289.270.000	69.761.270.000
Cộng	5.289.270.000	69.761.270.000

(*) Khoản lãi vay phải trả Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Ngân hàng Phát triển Khu vực Bắc Đông Bắc được điều chỉnh lại thời hạn trả lãi theo Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 02/2023/HĐTĐĐT-NHPT ngày 21/12/2023.

(**): Thu tiền để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng công trình tái định cư cho Dự án cải tạo, mở rộng Nhà máy phân đạm Hà Bắc.

- Nguồn tiền thu trên để thực hiện chi trả chi phí đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, giá trị theo dõi trên Chỉ tiêu xây dựng cơ bản dở dang khoảng 70,9 tỷ VND; phải thu khác khoảng 1,9 tỷ VND. Các khoản chênh lệch thu/chi sẽ quyết toán với Nhà nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN ĐẠM VÀ HÓA CHẤT HÀ BẮC
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	31/12/2023				01/01/2023			
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm
a. Vay ngắn hạn	374.004.949.047	374.004.949.047	1.750.153.340.205	3.125.979.791.094	1.749.831.399.936	1.749.831.399.936	1.749.831.399.936	1.749.831.399.936
<i>Vay ngân hàng ngắn hạn</i>	374.004.949.047	374.004.949.047	1.750.153.340.205	3.125.979.791.094	1.749.831.399.936	1.749.831.399.936	1.749.831.399.936	1.749.831.399.936
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Giang (1)	274.004.949.047	274.004.949.047	1.650.153.340.205	1.755.392.791.094	379.244.399.936	379.244.399.936	379.244.399.936	379.244.399.936
Nợ dài hạn đến hạn trả	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000	1.370.587.000.000	1.370.587.000.000	1.370.587.000.000	1.370.587.000.000	1.370.587.000.000
b. Vay dài hạn	2.515.074.490.000	2.515.074.490.000	1.119.805.708.210	89.675.362.368	1.484.944.144.158	1.484.944.144.158	1.484.944.144.158	1.484.944.144.158
<i>Vay ngân hàng dài hạn</i>	2.515.062.000.000	2.515.062.000.000	1.119.805.708.210	89.675.362.368	1.484.931.654.158	1.484.931.654.158	1.484.931.654.158	1.484.931.654.158
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Giang và các ngân hàng đồng tài trợ (2)	1.344.475.000.000	1.344.475.000.000	49.218.708.210	189.675.362.368	1.484.931.654.158	1.484.931.654.158	1.484.931.654.158	1.484.931.654.158
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Bắc Giang	1.270.587.000.000	1.270.587.000.000	1.170.587.000.000	1.270.587.000.000	1.370.587.000.000	1.370.587.000.000	1.370.587.000.000	1.370.587.000.000
Đông Bắc (3)	(100.000.000.000)	(100.000.000.000)	(100.000.000.000)	(1.370.587.000.000)	(1.370.587.000.000)	(1.370.587.000.000)	(1.370.587.000.000)	(1.370.587.000.000)
Nợ dài hạn đến hạn trả	12.490.000	12.490.000	0	0	12.490.000	12.490.000	12.490.000	12.490.000
<i>Vay cá nhân dài hạn</i>	12.490.000	12.490.000	0	0	12.490.000	12.490.000	12.490.000	12.490.000
Vay cán bộ nhân viên	12.490.000	12.490.000	0	0	12.490.000	12.490.000	12.490.000	12.490.000
Cộng	2.889.079.439.047	2.889.079.439.047	2.869.959.048.415	3.215.655.153.462	3.234.775.544.094	3.234.775.544.094	3.234.775.544.094	3.234.775.544.094

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN ĐẠM VÀ HÓA CHẤT HÀ BẮC
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

17. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Thuyết minh các khoản vay ngân hàng

Số hợp đồng	Kỳ hạn	Lãi suất	Hạn mức	Số dư tại 31/12/2023	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Giang (1)						
Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2023-HĐCVHM/NHCT280-ĐHB ngày 19/06/2023	Từ ngày 19/06/2023 đến ngày 19/06/2024	Theo từng KUNN	380.000.000.000	274.004.949.047	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh đảm U rế, Amoniac, CO2	Toàn bộ hàng tồn kho của Công ty, địa chỉ: Đường Trần Nguyễn Hân, Phường Thọ Xương, Tp Bắc Giang và công nợ phải thu khách hàng
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Giang và các ngân hàng đồng tài trợ (2)						
Hợp đồng tín dụng số 01.68/HĐTD ngày 06/8/2010	Đến năm 2031	4,5%/năm	192 triệu USD	55.000.000 USD	Đầu tư Dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy Phân đạm Hà Bắc	Tài sản hình thành từ vốn vay
<i>Quy đổi VNĐ</i>						
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Ngân hàng Phát triển Khu vực Bắc Đông Bắc (3)						
Hợp đồng tín dụng số 45/2008/HĐTĐT-NHPT ngày 11/9/2008 và các phụ lục điều chỉnh	Đến năm 2031	8,55%/năm	4.125.000.000.000	1.270.587.000.000	Đầu tư Dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy Phân đạm Hà Bắc	Tài sản hình thành từ vốn vay
Cộng				2.889.066.949.047		

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

11/12/2023 10:18:11

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

18. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	2.722.000.000.000	(4.753.330.061.197)	(2.031.330.061.197)
Lợi nhuận	0	1.779.146.378.928	1.779.146.378.928
Số dư cuối năm trước	2.722.000.000.000	(2.974.183.682.269)	(252.183.682.269)
Số dư đầu năm nay	2.722.000.000.000	(2.974.183.682.269)	(252.183.682.269)
Lợi nhuận	0	858.284.451.090	858.284.451.090
Tăng khác (*)	0	5.506.093.435	5.506.093.435
Số dư cuối năm nay	2.722.000.000.000	(2.110.393.137.744)	611.606.862.256

(*) Điều chỉnh tăng lợi nhuận năm 2022 theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước. Cụ thể:

- Tăng chi phí giá vốn hàng bán do:

+ Chi phí khấu hao tăng do Hạng mục sửa chữa nâng công suất máy biến áp 2T 7500 kVA, số tiền 18.331.257 đồng;

- Giảm chi phí giá vốn hàng bán do:

+ Do xác định lại chi phí dở dang của NH3 cuối kỳ dây chuyền 2, số tiền 4.183.006.227 đồng;

+ Do đơn vị trích trước chi phí sửa chữa chưa đủ điều kiện ghi nhận, số tiền 323.236.647 đồng;

+ Do hạng mục sửa chữa nâng công suất máy biến áp 2T 7500 kVA, số tiền 1.018.181.818 đồng.

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2023	01/01/2023
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	97,66%	2.658.310.000.000	2.658.310.000.000
Các cổ đông khác	2,34%	63.690.000.000	63.690.000.000
Cộng	100,00%	2.722.000.000.000	2.722.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2023	Năm 2022
Vốn góp của chủ sở hữu	2.722.000.000.000	2.722.000.000.000
Vốn góp đầu năm	2.722.000.000.000	2.722.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	0	0
Vốn góp giảm trong năm	0	0
Vốn góp cuối năm	2.722.000.000.000	2.722.000.000.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	272.200.000	272.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	272.200.000	272.200.000
Cổ phiếu phổ thông	272.200.000	272.200.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	0	0
Cổ phiếu phổ thông	0	0
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	272.200.000	272.200.000
Cổ phiếu phổ thông	272.200.000	272.200.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	10.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**a. Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang để sử dụng với mục đích sản xuất kinh doanh từ năm 2007 đến 2058. Diện tích khu đất thuê là 85,51811 ha. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Ngoài ra, Công ty ký hợp đồng thuê đất tại phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định để làm văn phòng đại diện của Công ty tại tỉnh Bình Định từ năm 2001 đến năm 2045. Diện tích khu đất thuê là 349m². Theo hợp đồng thuê đất, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b. Ngoại tệ các loại	31/12/2023		01/01/2023	
	Nguyên tệ	Quy đổi (VNĐ)	Nguyên tệ	Quy đổi (VNĐ)
Ngoại tệ các loại (USD)	7.534.702,72	180.870.412.162	2.867.125,22	66.979.067.827
Cộng	7.534.702,72	180.870.412.162	2.867.125,22	66.979.067.827

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu thuần về bán hàng hóa, sản phẩm	4.413.475.970.445	6.441.029.337.434
Cộng	4.413.475.970.445	6.441.029.337.434
2. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn bán hàng hóa, sản phẩm	4.428.747.705.041	3.606.419.139.234
Cộng	4.428.747.705.041	3.606.419.139.234
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.121.556.949	1.873.843.241
Lãi bán các khoản đầu tư	0	26.355.543.532
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.861.889.000	4.324.530.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	3.170.702.735	7.368.210.279
Doanh thu hoạt động tài chính khác	92.084.638	0
Cộng	12.246.233.322	39.922.127.052
4. Chi phí tài chính		
Lãi tiền vay	642.445.738.924	757.358.055.833
Chiết khấu thanh toán	0	4.903.920.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	359.372.234	7.344.143.539
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	47.558.939.282	62.479.701.431
Cộng	690.364.050.440	832.085.820.803

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2023	Năm 2022
5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
a. Chi phí bán hàng		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.844.537.756	1.888.341.407
Chi phí bằng tiền khác (vận chuyển, quảng cáo ...)	91.923.706.275	112.114.751.325
Cộng	94.768.244.031	114.003.092.732
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	53.783.861.842	47.545.755.270
Chi phí vật liệu quản lý	8.044.105.119	4.577.508.075
Chi phí khấu hao TSCĐ	13.801.805.265	13.348.088.534
Thuế, phí, lệ phí	4.899.129.922	8.495.013.534
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.556.057.989	7.003.955.823
Chi phí bằng tiền khác	67.553.267.240	71.016.956.594
Cộng	156.638.227.377	151.987.277.830
6. Thu nhập khác	Năm 2023	Năm 2022
Thu tiền cho thuê tài sản	231.685.823	222.438.855
Thu nhập từ chi phí lãi vay được xóa, giảm lãi suất (*)	1.802.057.603.374	0
Các khoản khác	1.555.975.834	2.561.180.883
Cộng	1.803.845.265.031	2.783.619.738
(*) Trong năm 2023, Công ty ký các phụ lục hợp đồng với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Ngân hàng Phát triển Khu vực Bắc Đông Bắc về việc xóa nợ lãi tính trên nợ gốc quá hạn và nợ lãi tính trên nợ lãi chậm trả, giảm lãi suất các khoản vay và cơ cấu lại thời hạn trả nợ. Giá trị lãi được xóa, giảm được Công ty ghi nhận vào thu nhập khác trong năm.		
7. Chi phí khác	Năm 2023	Năm 2022
Đăng báo bán đấu giá tài sản, quảng cáo mời thầu	6.375.000	6.174.000
Các khoản khác	758.415.819	87.200.697
Cộng	764.790.819	93.374.697
8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.827.340.939.546	2.432.247.701.251
Chi phí nhân công	267.046.334.800	248.038.457.600
Chi phí khấu hao tài sản cố định	624.767.388.163	624.729.946.592
Chi phí dịch vụ mua ngoài	346.719.988.638	411.953.036.332
Chi phí khác bằng tiền	441.334.007.178	376.218.327.114
Cộng	4.507.208.658.325	4.093.187.468.889

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2023	Năm 2022
9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	858.284.451.090	1.779.146.378.928
Các khoản điều chỉnh tăng	609.513.728	127.695.504
- Các khoản chi phí không được trừ	515.013.728	8.495.504
- Thù lao của Thành viên HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	94.500.000	119.200.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(5.861.889.000)	(4.324.530.000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(5.861.889.000)	(4.324.530.000)
Lỗi từ các năm trước chuyển sang	(853.032.075.818)	(1.774.949.544.432)
Thu nhập chịu thuế	0	0
Thuế suất	20%	20%
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	0	0
10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2023	Năm 2022
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	858.284.451.090	1.779.146.378.928
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	0	0
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	858.284.451.090	1.779.146.378.928
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	272.200.000	272.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.153,14	6.536,17

11. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản

Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

11.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

11.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	374.004.949.047	2.515.074.490.000	2.889.079.439.047
Phải trả người bán	414.511.282.093	0	414.511.282.093
Chi phí phải trả	8.998.258.018	0	8.998.258.018
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	196.636.772.786	2.538.419.080.194	2.735.055.852.980
Cộng	994.151.261.944	5.053.493.570.194	6.047.644.832.138
Ngày 01 tháng 01 năm 2023			
Các khoản vay và nợ	1.749.831.399.936	1.484.944.144.158	3.234.775.544.094
Phải trả người bán	394.034.033.187	0	394.034.033.187
Chi phí phải trả	12.118.178.705	0	12.118.178.705
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	3.962.224.656.796	94.408.810.795	4.056.633.467.591
Cộng	6.118.208.268.624	1.579.352.954.953	7.697.561.223.577

Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng một phần quyền sử dụng đất, tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, hàng tồn kho, máy móc thiết bị, nhà cửa vật kiến trúc và quyền sử dụng đất làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn từ các ngân hàng (Xem Thuyết minh Vay và nợ thuê tài chính).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

12. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2023		01/01/2023		31/12/2023	01/01/2023
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Giá trị
Tài sản tài chính						
- Tiền và các khoản tương đương tiền	321.675.669.771	0	207.176.087.962	0	321.675.669.771	207.176.087.962
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	18.000.000.000	0	33.000.000.000	0	18.000.000.000	33.000.000.000
- Phải thu khách hàng	200.035.369.805	0	285.441.849.680	0	200.035.369.805	285.441.849.680
- Phải thu khác	760.902.420.305	(5.344.337.062)	760.819.557.496	(5.344.337.062)	755.558.083.243	755.475.220.434
TỔNG CỘNG	1.300.613.459.881	(5.344.337.062)	1.286.437.495.138	(5.344.337.062)	1.295.269.122.819	1.281.093.158.076
Nợ phải trả tài chính						
- Vay và nợ	2.889.079.439.047	0	3.234.775.544.094	0	2.889.079.439.047	3.234.775.544.094
- Phải trả người bán	414.511.282.093	0	394.034.033.187	0	414.511.282.093	394.034.033.187
- Chi phí phải trả	8.998.258.018	0	12.118.178.705	0	8.998.258.018	12.118.178.705
- Phải trả khác	2.735.055.852.980	0	4.056.633.467.591	0	2.735.055.852.980	4.056.633.467.591
TỔNG CỘNG	6.047.644.832.138	0	7.697.561.223.577	0	6.047.644.832.138	7.697.561.223.577

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**

Công ty đã, đang làm việc với Nhà thầu EPC gói 8- Thiết kế, mua sắm vật tư thiết bị, xây lắp vận hành bàn giao nhà máy để quyết toán bổ sung Dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy phân đạm Hà Bắc nên có thể phát sinh các khoản công nợ phải thu, phải trả với Nhà thầu và các bên có liên quan khác trong tương lai.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong năm	Số dư cuối năm phải thu (phải trả)
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Công ty mẹ	Phải trả về tiền bán vật tư được ủy quyền bán	0	(5.289.270.000)
Công ty CP DAP - Vinachem	Cùng Công ty mẹ	Bán hàng	20.280.000.000	0
Công ty CP DAP số 2 - Vinachem	Cùng Công ty mẹ	Bán hàng	102.697.336.600	0
Công ty CP Khí hóa lỏng Hà Bắc	Công ty liên kết	Bán hàng Nhận cổ tức	13.233.025.610 5.621.889.000	1.070.230.779 0
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam - CN phân bón - Hóa chất	Cùng Công ty mẹ	Bán hàng	2.109.274.430	0
Viện hóa học công nghiệp Việt Nam	Cùng Công ty mẹ	Mua hóa chất	30.436.706.000	(2.696.540.000)
Công ty CP Supe Phốt Phát và Hóa chất Lâm Thao	Cùng Công ty mẹ	Bán hàng	27.253.400.000	(46.600.000)
Trường Cao đẳng Công nghiệp Hóa chất	Cùng Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ đào tạo	467.500.000	0

+ Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Tên	Vị trí	Nội dung	Năm 2023
Nguyễn Văn Thiệu	Chủ tịch HĐQT	Thù lao HĐQT	52.050.000
Nguyễn Đức Ninh	Tổng Giám đốc	Lương, thưởng và thù lao HĐQT	668.807.000
Phạm Văn Trung	Phó Tổng Giám đốc	Lương, thưởng và thù lao HĐQT	576.683.000
Nguyễn Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Lương, thưởng và thù lao HĐQT	576.683.000
Nguyễn Đình Hồng	Phó Tổng Giám đốc	Lương và thưởng	442.679.425
Nguyễn Phùng Hưng	Thành viên HĐQT	Lương, thưởng và thù lao HĐQT	419.118.647
Hà Xuân Hán	Trưởng Ban Kiểm soát	Lương và thưởng	500.499.000
Lê Anh Tuấn	Thành viên BKS	Lương, thưởng và thù lao BKS	458.842.675
Đặng Thị Minh Lý	Thành viên BKS	Thù lao BKS	42.450.000
Lê Anh Tuấn	Kế toán trưởng	Lương và thưởng	481.165.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Do hoạt động của Công ty chủ yếu tập trung vào lĩnh vực sản xuất và kinh doanh phân bón, doanh thu và chi phí chủ yếu phát sinh ở địa bàn tỉnh Bắc Giang nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý và lĩnh vực kinh doanh.

4. Thông tin về hoạt động liên tục

Khoản lỗ lũy kế kể từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển sang Công ty cổ phần (từ ngày 01/01/2015 đến hết ngày 31/12/2015) số tiền 669.733.694.565 đồng được bàn giao sang Công ty cổ phần theo nội dung tại Bản công bố thông tin bán cổ phần lần đầu Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc và Quyết định số 15/QĐ-HCVN ngày 06/01/2017 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam về phê duyệt quyết toán cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc tại thời điểm chuyển sang Công ty cổ phần.

Trong năm 2023, Công ty ký các phụ lục hợp đồng với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Ngân hàng Phát triển Khu vực Bắc Đông Bắc về việc xóa nợ lãi tính trên nợ gốc quá hạn và nợ lãi tính trên nợ lãi chậm trả, giảm lãi suất các khoản vay và cơ cấu lại thời hạn trả nợ. Theo đó, Công ty có trách nhiệm trả gốc, lãi hàng tháng theo lịch trả nợ được quy định trong hợp đồng trong thời hạn 198 tháng, kéo dài đến tháng 9 năm 2031. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã xây dựng phương án sản xuất kinh doanh và kế hoạch dòng tiền đảm bảo trả gốc, lãi các hợp đồng tín dụng đúng thời hạn. Sau khi được xóa lãi vay, giảm lãi suất các khoản vay và cơ cấu lại thời hạn trả nợ, tài sản ngắn hạn của Công ty đã đảm bảo thanh toán cho các khoản nợ ngắn hạn, vốn góp của Chủ sở hữu lớn hơn lỗ lũy kế đến thời điểm 31/12/2023. Do vậy Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty được trình bày trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

5. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 01/01/2023 trên Bảng cân đối kế toán và năm 2022 trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Lưu chuyển tiền tệ được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học MOORE AISC.

6. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này. *thung*



Nguyễn Thị Hồng Nhung

Người lập biểu

Bắc Giang, ngày 10 tháng 3 năm 2024



Lê Anh Tuấn

Kế toán trưởng



Nguyễn Đức Ninh

Tổng Giám đốc